

Cục Lâm nghiệp (DOF),  
Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam (DHNVN) và  
Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Viện KHLNVN),  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD)  
Nước CHXHCN Việt Nam

**NGHIÊN CỨU  
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC XÚC TIẾN AR-CDM  
TẠI  
NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

**BÁO CÁO GIỮA KỲ (2)  
- Các kết quả của nghiên cứu -**

JICA LIBRARY



1187919 [4]

**THÁNG 3/2008**

**Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)**

**Nippon Koei Co., Ltd.  
Viện nghiên cứu Sojitz, Ltd.**

GE
JR
08-035



**Cục Lâm nghiệp (DOF),  
Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam (ĐHLNVN) và  
Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Viện KHLNVN),  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD)  
Nước CHXHCN Việt Nam**

**NGHIÊN CỨU  
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC XÚC TIẾN AR-CDM  
TẠI  
NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

**BÁO CÁO GIỮA KỲ (2)  
- Các kết quả của nghiên cứu -**

**THÁNG 3/2008**

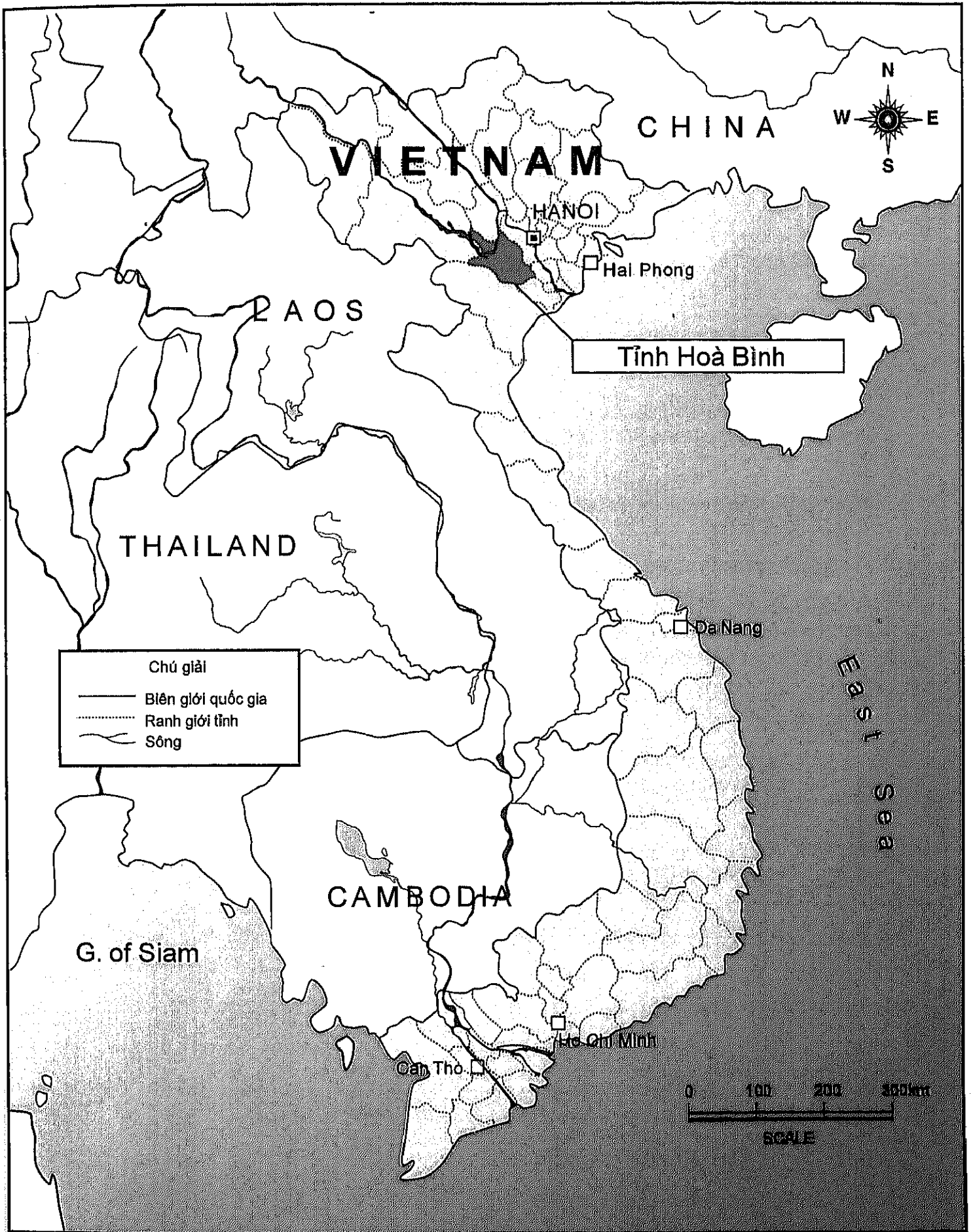
**Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)**

**Nippon Koei Co., Ltd.  
Viện nghiên cứu Sojitz, Ltd.**

<b>Tiền Tỷ (Transfer Rate of Vietcom Bank)</b>
US\$ 1,0 = ¥ 107,93 = 15,973 VND (As of January 29, 2008)
US\$ = United State Dollar
¥ = Japanese Yen
VND = Vietnamese Dong



1187919 [4]



Bản đồ tỉnh Hoà Bình



## TÓM TẮT DỰ ÁN JICA

- Tên Dự án** : Nghiên cứu phát triển năng lực xúc tiến AR-CDM (trồng rừng mới và tái trồng rừng theo cơ chế phát triển sạch) tại Nước CHXHCN Việt Nam
- Cơ quan thực thi** : Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT
- Các cơ quan đối tác** : Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam (VFU) và Trung tâm nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng (RCFEE)
- Thời hạn Dự án** : 30 tháng (từ tháng 10/2006 - 3/2009)
- Kinh phí** : Khoảng 1,1 triệu USD (Viện trợ không hoàn lại từ Chính phủ Nhật)
- Mục tiêu của Dự án** :
- ◆ Hỗ trợ các cơ quan của Chính phủ (Bộ NN-PTNT, Cục LN, Trường ĐHLNVN [VFU] và RCFEE) phát triển năng lực xúc tiến AR-CDM.
  - ◆ Khuyến nghị một tầm nhìn và các kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM tại VN
- Vùng nghiên cứu của Dự án** : Dự án bao hàm toàn bộ các vùng của VN
- Đã lựa chọn 5 hiện trường tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình để chuẩn bị dự án AR-CDM quy mô nhỏ và dự thảo văn bản thiết kế dự án (PDD) để được phê duyệt như là một dự án CDM.
- Các hợp phần Dự án** :
- ◆ Hỗ trợ tăng cường nhận thức xúc tiến AR-CDM (tiến hành hội thảo và tập huấn)
  - ◆ Hỗ trợ hình thành hệ thống xúc tiến AR-CDM (xây dựng trang web, văn phòng hỗ trợ AR-CDM, sách hướng dẫn và các tài liệu khác)
  - ◆ Hỗ trợ tăng cường năng lực xây dựng dự án AR-CDM (xây dựng dự thảo PDD cho dự án AR-CDM quy mô nhỏ và, nếu cần, sẽ xây dựng phương pháp luận mới)
- Thành quả của Dự án** :
- ◆ Một tầm nhìn xúc tiến AR-CDM và các kế hoạch hành động ở VN.
  - ◆ Một sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng và đầu tư dự án AR-CDM.
  - ◆ Một trang web chứa đựng các thông tin về các dịch vụ cần thiết cho việc xây dựng các dự án AR-CDM ở VN.
  - ◆ Một dự thảo PDD cho dự án AR-CDM quy mô nhỏ, và nếu cần, sẽ xây dựng một phương pháp luận mới cho dự án AR-CDM quy mô nhỏ.

## Ma trận thiết kế Dự án

Tóm tắt mục tiêu Dự án	Các chỉ số kiểm nghiệm	Các phương tiện kiểm nghiệm	Các giả định
<b>Mục tiêu bao trùm:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ VN đóng góp thực thi Nghị định thư Kyoto</li> <li>◆ Phục hồi rừng bị suy thoái ở VN</li> <li>◆ Phát triển bền vững các cộng đồng dân cư nông thôn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tăng lượng tín chỉ giảm phát thải carbon</li> <li>◆ Tăng diện tích rừng trồng AR-CDM trên đất bị suy thoái.</li> <li>◆ Tăng thu nhập cho các cộng đồng dân cư địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Thống kê lâm nghiệp</li> <li>◆ Ảnh vệ tinh</li> <li>◆ Thống kê của UNFCCC</li> <li>◆ Điều tra kinh tế - xã hội</li> <li>◆ Báo cáo hàng năm của Nhóm công tác AR-CDM</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Không có chuyển động tiêu cực về AR-CDM trên diễn đàn quốc tế.</li> <li>◆ Không có những thay đổi quá nhiều trong chính sách của ngành LN.</li> <li>◆ Chính phủ sẽ duy trì mong muốn mạnh mẽ đóng góp giảm hiện tượng nóng lên toàn cầu.</li> </ul>
<b>Mục tiêu cụ thể:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Nhóm công tác AR-CDM thuộc Bộ NN-PTNT có khả năng xúc tiến các DA AR-CDM.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tăng số lượng các dự án AR-CDM được xây dựng</li> <li>◆ Tăng số lượng các cuộc hội thảo AR-CDM do Nhóm công tác tổ chức hay hỗ trợ tổ chức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Số liệu hoặc báo cáo hàng năm của Nhóm công tác AR-CDM</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Nhóm công tác AR-CDM sẽ được Bộ NN-PTNT chính thức thành lập.</li> </ul>
<b>Thành quả:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tầm nhìn và kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM sẽ được đề xuất.</li> <li>◆ Sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng và đầu tư.</li> <li>◆ Trang web AR-CDM.</li> <li>◆ Dự thảo văn bản thiết kế DA (PDD) AR-CDM quy mô nhỏ.</li> <li>◆ Phương pháp luận mới về AR-CDM quy mô nhỏ (nếu cần)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tầm nhìn và kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM ở VN</li> <li>◆ Sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng, đầu tư AR-CDM</li> <li>◆ Trang web về AR-CDM</li> <li>◆ Dự thảo PDD</li> <li>◆ Phương pháp luận mới cho AR-CDM quy mô nhỏ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Báo cáo chuyển tiếp</li> <li>◆ Báo cáo cuối cùng</li> <li>◆ Sách hướng dẫn</li> <li>◆ Trang Web</li> <li>◆ Tài liệu hội thảo và tập huấn</li> <li>◆ Dự thảo PDD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Các đối tác tích cực tham gia DA.</li> <li>◆ Không thay đổi các đối tác được bổ nhiệm.</li> <li>◆ Không có những chuyển động tiêu cực về AR-CDM trên trường quốc tế.</li> <li>◆ Các chủ thể địa phương hiện trường DA hợp tác với DA.</li> </ul>
<b>Hoạt động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tăng cường nhận thức xúc tiến AR-CDM (hội thảo, tập huấn)</li> <li>◆ Thiết lập hệ thống xúc tiến AR-CDM (trang web, Văn phòng hỗ trợ, sách hướng dẫn)</li> <li>◆ Xây dựng DA AR-CDM quy mô nhỏ</li> </ul>	<b>Đầu tư:</b> <p><u>Phía Nhật bản</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tư vấn <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Trường nhóm/phát triển thể chế CDM (1)</li> <li>◆ Phát triển thể chế CDM (2)</li> <li>◆ CDM lâm nghiệp (1)</li> <li>◆ CDM lâm nghiệp (2)</li> <li>◆ Quy hoạch DA CDM (1)</li> <li>◆ Quy hoạch DA CDM (2)</li> </ul> </li> <li>2. Hợp đồng phụ</li> <li>3. Thiết bị và xe sẽ thuê</li> </ol> <p>Chi phí liên quan đến DA: 1.0 triệu USD</p>	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ban điều hành</li> <li>2. Bộ phận thường trực</li> <li>4. Văn phòng DA và đồ mộc</li> <li>5. Kinh phí cho đối tác</li> </ol>	<b>Điều kiện tiên quyết</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các cơ quan đối tác cung cấp đủ cán bộ hình thành nhóm đối tác DA.</li> <li>2. Cơ quan điều hành DA cử cán bộ quản lý các hoạt động và phối hợp với các cơ có liên quan khác.</li> <li>3. Cơ quan điều hành có thể đề xuất hiện trường phù hợp cho việc xây dựng DA AR-CDM quy mô nhỏ</li> <li>4. Các chủ thể địa phương hiện trường DA chấp nhận các can thiệp của DA.</li> </ol>



## TÓM TẮT BÁO CÁO GIỮA KỲ (2)

### Các mục tiêu và thành quả của dự án JICA

1. Dự án phát triển năng lực xúc tiến AR-CDM tại Nước CHXHCN Việt Nam bắt đầu từ tháng 10/2006 với các mục tiêu (a) phát triển năng lực của các cơ quan chính phủ trong việc xúc tiến AR-CDM và (b) khuyến nghị một tầm nhìn và kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam. Các thành quả chính của dự án bao gồm:
  - (1) Một tầm nhìn về xúc tiến AR-CDM và kế hoạch hành động ở Việt Nam.
  - (2) Một sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM.
  - (3) Một trang web chứa đựng các thông tin và các dịch vụ cần thiết cho việc xây dựng các dự án AR-CDM ở Việt Nam.
  - (4) Một dự thảo PDD của dự án AR-CDM quy mô nhỏ bao gồm cả phương pháp luận mới, nếu cần.

### CDM ở Việt Nam

2. Ở Việt Nam, Vụ Hợp tác quốc tế (ICD) của Bộ Tài nguyên - Môi trường (MONRE) đã được chỉ định là DNA trong tháng 3/2003 và chịu trách nhiệm điều hành các vấn đề liên quan đến Nghị định thư Kyoto. Ban điều hành quốc gia UNFCCC và Nghị định thư Kyoto (NSC) có nhiệm vụ xem xét PIN và PDD và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường ra văn bản chính thức chấp thuận PIN hoặc phê duyệt PDD dựa trên các tiêu chí đặc biệt và ưu tiên cho CDM. Quy trình phê duyệt đã được xác định theo Thông tư số 10/2006/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên - Môi trường, ngày 12/12/2006.
3. Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số chính sách liên quan đến CDM. Trong số các chính sách này, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 47/2007/QĐ-TTg ngày 6/04/2007 đã trình bày kế hoạch hành động nhằm thực thi Nghị định thư Kyoto trong giai đoạn 2007-2010. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 130/2007/QĐ-TTg ngày 2/08/2007 quy định các cơ chế tài chính và chính sách áp dụng cho các dự án CDM. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 130 xác định quyền sở hữu CER và phí bán CER mà các nhà đầu tư CDM phải chi cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (VEPF) khi bán CER.

### Các cuộc hội thảo và tập huấn AR-CDM

4. Đoàn chuyên gia dự án đã tổ chức tập huấn cho các đối tác về các nguyên tắc và quy định chính về AR-CDM trong tháng 12/2006. Hai đợt tập huấn tiếp theo đã được tổ chức để chia sẻ kinh nghiệm với các đối tác về xây dựng dự án AR-CDM thí điểm tại huyện Cao Phong, Hòa Bình. Sau khi hoàn chỉnh dự thảo PDD của dự án thí điểm, Đoàn chuyên gia dự án và các cộng tác viên tổ chức các cuộc hội thảo AR-CDM cho các nhà xây dựng và đầu tư tiềm năng trong tháng 11/2007 tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Huế.

## Hệ thống xúc tiến AR-CDM

5. Trong khuôn khổ các hoạt động hình thành hệ thống xúc tiến AR-CDM, Đoàn chuyên gia và các cộng tác viên đã xây dựng trang web AR-CDM (URL: <http://ar-cdm.vfu.edu.vn/>) trên nhà cung cấp thuộc Trung tâm thông tin của Trường Đại học Lâm nghiệp. Sách hướng dẫn về AR-CDM và tờ rơi về AR-CDM đã được xây dựng và phân phát cho các đối tác và các đại biểu tham gia hội thảo. Đoàn chuyên gia dự án cũng đã đề xuất việc thiết lập Văn phòng trợ giúp AR-CDM tại Phòng Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Lâm nghiệp. Văn phòng trợ giúp này sẽ phục vụ như là bộ phận hướng dẫn phát triển AR-CDM ở Việt Nam theo chỉ đạo của DOF/MARD và chịu trách nhiệm quản lý và cập nhật trang web AR-CDM.

## Xây dựng dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ và dự thảo PDD

6. Đoàn chuyên gia đã lựa chọn huyện Cao Phong của tỉnh Hòa Bình trong số các huyện được các đối tác đề xuất để xây dựng dự thảo PDD cho dự án AR-CDM quy mô nhỏ. Sau khi khảo sát bổ sung một số hiện trường khác tại huyện này, có 5 hiện trường đã được lựa chọn để xây dựng PDD với sự quan tâm đến hiện trạng sử dụng đất, khả năng tiếp cận, sự phù hợp của đất đai, giá trị bổ sung, mong muốn của cộng đồng dân cư địa phương hợp tác với dự án và các yếu tố khác. Ngay sau khi lựa chọn hiện trường, Đoàn chuyên gia và các đối tác đã tiến hành khảo sát ranh giới của 5 hiện trường, điều tra phân loại thảm thực vật, sinh khối đường cơ sở và thổ nhưỡng của hiện trường.
7. Đất đai ở 5 hiện trường được lựa chọn tại huyện Cao Phong được phân loại là “đất rừng phòng hộ” và quyền sử dụng đất đã được giao cho người dân. Với sự giúp đỡ của Hạt Kiểm lâm huyện, Đoàn chuyên gia và các đối tác đã xác định chủ sử dụng đất. Sau đó đã mời các chủ sử dụng đất này và lãnh đạo các xã tham dự các cuộc họp chủ thể để nghe giải thích về mục đích nghiên cứu là chuẩn bị kế hoạch và văn bản dự án AR-CDM quy mô nhỏ với sự hợp tác của các chủ thể. Tất cả các chủ thể đã thỏa thuận rằng Đoàn chuyên gia và các đối tác sẽ xúc tiến lập kế hoạch các hoạt động.
8. Theo kết quả phỏng vấn người dân địa phương, rừng tại các hiện trường được đề xuất cho dự án đã bị chặt trắng trước năm 1980 để sản xuất lương thực theo chủ trương của Chính phủ. Sau khi canh tác với cường độ cao, đất đai đã bị bỏ hoang do năng suất của đất bị suy giảm. Từ đó đến nay, đất đai thỉnh thoảng mới được sử dụng cho canh tác và chăn thả trâu bò. Mặc dù đất đã được giao cho dân, người dân vẫn không thể trồng rừng do thiếu vốn. Các chương trình trồng rừng của Chính phủ cũng không thể tạo ra các sự kích thích đủ để họ có thể trồng lại rừng. Người dân chỉ mong muốn trồng rừng tại các hiện trường được đề xuất cho dự án, một khi họ được dự án hỗ trợ.
9. Đặc điểm của dự án được tóm tắt như sau:

Diện tích trồng rừng	308,5 ha rừng (365,26 ha tổng vùng dự án)
Loài cây trồng	Keo tai tượng ( <i>Acacia mangium</i> ): 280,37 ha rừng; Keo lá tràm ( <i>Acacia auriculiformis</i> ): 28,12 ha rừng
Chu kỳ kinh doanh	15 năm
Tỉa thưa	<i>A. mangium</i> : năm thứ 8; <i>A. auriculiformis</i> : năm thứ 8 và năm thứ 12
Năm trồng	140,18 ha năm 2009; 168,32 ha năm 2010
Các hoạt động khác ngoài trồng rừng	Hỗ trợ trồng cỏ làm thức ăn gia súc, phổ cập và trình diễn

Bộ phận quản lý dự án	Quỹ xã hội sẽ được huyện Cao Phong và Trường Đại học Lâm nghiệp thành lập
Chi phí của dự án (giá thời điểm hiện tại) (trong 17 năm)	<b>Tổng: 14.630 triệu VND</b> Quỹ xã hội sẽ trang trải 5.696 triệu VND. Các thành viên dự án sẽ đóng góp 3.209 triệu VND. <b>Chi tiết các khoản chi của dự án</b> Trồng rừng: 9,539 triệu VND Sản xuất cơ thức ăn gia súc: 861 triệu VND Phô cập & trình diễn: 80 triệu VND Chi phí liên quan đến CDM: 1.328 triệu VND Quản lý dự án: 2.075 triệu VND Linh tinh: 746 triệu VND
Lợi nhuận của dự án (thời giá hiện tại) (trong 17 năm)	Từ lâm sản: 22.535 triệu VND Bán t-CER: 1.968 triệu VND (Lợi nhuận từ t-CER được ước tính rất khiêm tốn)
Nguồn kinh phí	Công ty Honda Việt Nam sẽ cung cấp 3.500 triệu VND để hỗ trợ thực thi dự án.
Tiến độ thẩm định/kiểm chứng	Thẩm định: quý III năm 2008 Kiểm chứng lần 1: 2013; lần 2: 2018; lần 3: 2023

10. Đã tiến hành phân tích chu chuyển tiền của Quỹ, Bộ phận quản lý dự án để xem xét khả năng nguồn kinh phí có thể giúp thực thi và quản lý dự án về mặt tài chính hay không. Với sự tài trợ của một công ty Nhật (Honda Vietnam Co., Ltd.) tại thời điểm ban đầu của dự án và dự kiến sự trợ giúp của JICA cho thẩm định dự án, có thể vận hành dự án mà không bị gánh nặng về tài chính. Lợi nhuận từ t-CER (tại năm thứ 6 và 11) và gỗ tía thưa (năm thứ 9, 10 và 14) sẽ góp phần làm cho Quỹ xã hội có thể hoạt động ổn định. Mặc dù có thể thiếu hụt 369 triệu VND tại thời điểm cuối năm thứ 15, Quỹ sẽ khắc phục vấn đề này bằng cách vay vốn ngân hàng. Nợ sẽ được thanh toán năm sau khi có lợi nhuận từ thu hoạch gỗ.

Năm		Chi phí vận hành & quản	Thu nhập	Chu chuyển tiền	Tiền cuối năm
Năm 0	2008	374	740	366	366
Năm 1	2009	767	1,018	251	617
Năm 2	2010	1,102	1,031	-71	546
Năm 3	2011	480	1,027	548	1,094
Năm 4	2012	300	55	-246	848
Năm 5	2013	490	42	-448	400
Năm 6	2014	138	106	-32	368
Năm 7	2015	138	18	-119	249
Năm 8	2016	138	12	-125	123
Năm 9	2017	138	304	166	289
Năm 10	2018	407	323	-83	206
Năm 11	2019	138	308	170	376
Năm 12	2020	138	19	-119	257
Năm 13	2021	138	13	-125	132
Năm 14	2022	138	41	-97	35
Năm 15	2023	407	2	-405	-369
Năm 16	2024	122	2,860	2,738	2,369
Năm 17	2025	145	2,833	2,688	5,057

11. Lợi nhuận mà các thành viên dự án dự kiến sẽ nhận được được ước tính theo các giả định sau đây:

1) Diện tích rừng trồng bình quân của mỗi hộ tham gia dự án là 1,0 ha.	<b>Giả định cơ bản</b> Tổng số sẽ có 320 hộ tham gia dự án và trồng 308,5 ha (diện tích rừng) rừng và 30 ha đồng cỏ.
2) Diện tích cỏ làm thức ăn gia súc bình quân mỗi hộ sẽ trồng là 0,1 ha.	

Mỗi hộ tham gia dự án sẽ nhận được sự hỗ trợ về vật tư tương đương 3,14 triệu VND và 61,9 triệu VND từ sự khuyến khích và chia sẻ lợi nhuận bằng tiền mặt tại thời điểm khai thác toàn bộ rừng trồng vào năm thứ 17. Mỗi hộ sẽ nhận được 3,11 triệu VND tiền mặt khuyến khích hoạt động trồng và chăm sóc rừng.

Dự kiến lợi nhuận mỗi hộ từ dự án

	Hỗ trợ vật tư (triệu VND)		Khuyến khích tiền mặt và lợi nhuận (triệu VND)		
	Trồng rừng	Sản xuất cỏ làm thức ăn gia súc	Trồng và chăm sóc rừng	Chia sẻ lợi nhuận từ lâm sản	Chia sẻ lợi nhuận từ t-CER
Năms 1-5	1,71	1,40	3,11	-	-
Năms 6-10	-	-	-	5,90	0,28
Năms 11-17	-	-	-	48,89	2,91
Tổng	1,71	1,40	3,11	54,79	3,19
	3,14		61,09		

Lưu ý: Các số liệu cho thấy dự kiến lợi nhuận từ 1,0 ha rừng trồng và 0,1 ha cỏ làm thức ăn gia súc

### Tầm nhìn và kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM

12. Việt Nam đã tích cực thực thi các chương trình trồng rừng từ những năm 1990. Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng (1998-2010) đã tạo ra rừng trên một diện tích đáng kể trong toàn quốc. Do vậy, tỷ lệ tàn che rừng đã tăng từ 27,2% năm 1990 đã tăng lên 39% năm 2006. Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia 2006-2020, thông qua trong năm 2007, cũng khẳng định quyết tâm của Chính phủ trồng, quản lý, bảo vệ và sử dụng 14,3 triệu ha đất rừng một cách bền vững vào năm 2020 cùng với việc đảm bảo sự tham gia rộng rãi của các ngành kinh tế - xã hội vào sự phát triển lâm nghiệp để tăng sự đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ nhằm giảm nghèo đói và cải thiện sinh kế của người dân nông thôn miền núi.
13. Nhận thức ngày càng tăng về biến đổi khí hậu trên toàn cầu đã làm gia tăng các mối quan tâm của Nhà nước, các thể chế tư nhân và công chúng tới trồng rừng và bảo vệ rừng. Điều này dẫn đến sự gia tăng đầu tư của khu vực tư nhân vào trồng rừng và quản lý rừng bền vững như là một phần hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội (CSR). Xu hướng này có lợi cho ngành lâm nghiệp Việt Nam, bao gồm cả việc xúc tiến AR-CDM. Giống như các dự án trồng rừng khác, các dự án AR-CDM có thể mang lại lợi ích trực tiếp cho các cộng đồng địa phương và góp phần bảo vệ môi trường. Ngoài ra, việc thực thi các dự án AR-CDM có thể ảnh hưởng tới chất lượng các dự án trồng rừng về mặt lập bản đồ và sự tham gia của các chủ thể, chia sẻ lợi ích và giám sát ... AR-CDM cũng tạo ra các lợi ích kinh tế bổ sung dưới hình thức CER.
14. Giảm phát thải khí nhà kính (GHG) không chỉ còn là trách nhiệm của các nước công nghiệp hóa, bởi vì phát thải từ các nước đang phát triển cũng gia tăng cùng với sự tăng trưởng kinh tế. Theo hướng này, trong tương lai, Việt Nam có thể là một trong những nước phát thải lớn GHG do phát triển công nghiệp nhanh. Ngành lâm nghiệp sẽ đóng vai trò to lớn trong việc giảm thiểu phát thải ở Việt Nam. Khác với phát triển công nghiệp, sự phát triển lâm nghiệp còn tạo ra lợi ích ngắn hạn và dài hạn cho cộng đồng dân cư nghèo và đóng góp vào sự phát

triển bền vững. Chưa có nước nào ở Đông dương tích cực xúc tiến AR-CDM. Với mối quan tâm như vậy, tầm nhìn về phát triển AR-CDM ở Việt Nam đã được xây dựng như sau:

*Việt Nam đóng vai trò chủ đạo ở Đông dương trong việc trình diễn các hoạt động loại bỏ GHG thông qua việc thực thi AR-CDM, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường tại các vùng núi.*

15. Có khoảng 3,2 triệu ha đất trống (IA+IB) trong 3 phân loại đất lâm nghiệp ở Việt Nam, trong đó các dự án AR-CDM có thể thực thi trên các vùng đất có thể tiếp cận được, đáp ứng yêu cầu phù hợp của đất đai, khả năng tạo giá trị bổ sung và có chủ sở hữu đất rõ ràng. Mặc dù có nhiều tiềm năng, sự phát triển AR-CDM đang gặp những rào cản sau đây:

Các rào cản về phát triển rừng nói chung

- Giai đoạn sinh trưởng dài trong khi đầu tư ban đầu lớn
- Rủi ro trong đầu tư lâm nghiệp (dễ bị thiên tai và thiệt hại do con người gây ra)
- Tiếp cận hiện trường trồng rừng khó khăn

Các rào cản đặc thù của AR-CDM

- Lợi ích bổ sung của AR-CDM chưa rõ ràng
  - Chi phí giao dịch cao
  - Sự phức tạp của phương pháp luận AR-CDM
  - Thiếu các nhà tư vấn có kinh nghiệm trong việc xây dựng và thẩm định PDD
  - Thiếu kinh nghiệm thực thi dự án AR-CDM và tiếp thị t-CERs và l-CERs
  - Quyền sở hữu đất đai không rõ ràng
  - Thiếu số liệu và thông tin về vùng đất phù hợp với AR-CDM
16. Các giải pháp khắc phục rào cản trong các dự án lâm nghiệp nhìn chung chủ yếu là phải có nguồn tài chính. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) đã thực thi các giải pháp để khắc phục các rào cản trong các dự án và các chương trình lâm nghiệp, bao gồm cả các dự án và các chương trình có sử dụng ODA. Các giải pháp này được kỳ vọng là sẽ tăng cường các nỗ lực và thúc đẩy đầu tư từ khu vực tư nhân vào sự phát triển lâm nghiệp của Việt Nam. Mặt khác, hiện có một số giải pháp cụ thể để vượt qua các rào cản của AR-CDM, trong đó điều quan trọng và cấp bách nhất là thực hiện dự án AR-CDM quy mô nhỏ đã được Đoàn chuyên gia JICA và các đối tác xây dựng. Việc thực thi dự án thí điểm này được kỳ vọng là sẽ giải quyết được các rào cản, hoặc làm giảm nhẹ mức độ cản trở do sự phức tạp của phương pháp và thiếu kinh nghiệm.

**Các rào cản trong sự phát triển AR-CDM và các giải pháp khắc phục**

Phân loại	Rào cản phát triển	Giải pháp khắc phục
Các rào cản chung cho các dự án lâm nghiệp	Đầu tư lớn ngay từ giai đoạn bắt đầu dự án; chu kỳ sản xuất dài (gây khó khăn trong việc thu hút đầu tư của tư nhân)	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Hỗ trợ đầu tư và tài chính của Chính phủ, bao gồm cả xúc tiến các dự án ODA lâm nghiệp</li> <li>◆ Xúc tiến các hoạt động CSR về lâm nghiệp thông qua khu vực tư nhân</li> </ul>
	Rủi ro thiên tai và thiệt hại do con người gây ra	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đảm bảo thực thi các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu thiên tai</li> <li>◆ Hỗ trợ tài chính của Chính phủ để khắc phục</li> </ul>
	Khó tiếp cận hiện trường dự án	Đầu tư và hỗ trợ tài chính của Chính phủ bao gồm

Phân loại	Rào cản phát triển	Giải pháp khắc phục
		Cả xúc tiến các dự án ODA lâm nghiệp
Các rào cản đặc trưng của AR-CDM Tính khả thi về mặt chi phí và kinh tế	Lợi ích bổ sung không từ bán t-CER/ I-CER chưa rõ ràng	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Nghiên cứu giá thị trường của CER</li> <li>◆ Nghiên cứu áp dụng VER</li> </ul>
	Chi phí giao dịch theo thủ tục CDM cao (phụ thuộc vào DOE nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Xúc tiến việc gộp dự án</li> <li>◆ Hỗ trợ tài chính thông qua các dự án ODA</li> <li>◆ Thúc đẩy hỗ trợ CSR cho chi phí giao dịch AR-CDM</li> </ul>
Thiếu kinh nghiệm	Không rõ ràng liệu sự biện minh về giá trị gia tăng có được chấp nhận hay không	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Thực thi dự án AR-CDM thí điểm</li> <li>◆ Nghiên cứu kinh nghiệm của các dự án AR-CDM khác</li> </ul>
	Không rõ ràng liệu sự biện minh về tính phù hợp của đất đai có được chấp nhận hay không	
	Sự phức tạp của phương pháp AR-CDM	
	Thiếu tư vấn có kinh nghiệm xây dựng và thẩm định PDD	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tăng cường năng lực cho tư vấn trong nước thông qua sự tham gia vào việc triển khai các dự án AR-CDM</li> <li>◆ Hỗ trợ của các nhà tài trợ cho việc xây dựng PDD của các dự án AR-CDM</li> </ul>
	Thiếu kinh nghiệm thực thi các dự án AR-CDM và tiếp thị t-CER/ I-CER	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tích tụ và phổ biến kinh nghiệm AR-CDM thông qua thực thi các dự án</li> <li>◆ Nghiên cứu kinh nghiệm các dự án AR-CDM tại các nước khác</li> </ul>
Các vấn đề khác	Quyền sở hữu không rõ ràng	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tiến hành điều tra địa chính và giao đất khi xây dựng các dự án AR-CDM</li> <li>◆ Thu hút đầu chính quyền địa phương tham gia lập kế hoạch AR-CDM để giải quyết các vấn đề liên quan tới quyền sở hữu đất đai</li> </ul>
	Thiếu số liệu và thông tin về vùng đất đai phù hợp với AR-CDM	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Xác định đất đai phù hợp với AR-CDM quy mô nhỏ</li> <li>◆ Phổ biến kết quả nghiên cứu tới các nhà xây dựng và đầu tư dự án</li> </ul>

17. Các kế hoạch hành động xây dựng và xúc tiến AR-CDM đã được chuẩn bị với các giải pháp vượt qua các rào cản quan trọng mang đặc thù AR-CDM đã được thảo luận tại các phần trước. Cần lưu ý rằng một số hoạt động đã được các đối tác và Đoàn chuyên gia JICA tiến hành.

#### Các kế hoạch hành động để phát triển và xúc tiến AR-CDM

Kế hoạch	Hành động cần có	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian
1. Thực thi dự án AR-CDM quy mô nhỏ do Đoàn chuyên gia và các đối tác xây dựng	Đảm bảo kinh phí cần thiết cho việc thực thi dự án	Đoàn chuyên gia JICA và các đối tác	Đã thực hiện (Honda Vietnam Co., Ltd. cam kết hỗ trợ.)
	Hình thành NPO (Quỹ xã hội)	UBND huyện Cao Phong với sự trợ giúp của Trường Đại học Lâm nghiệp	Tháng 3/2008
	Trình PDD cho DNA phê duyệt	NPO với sự trợ giúp của CP	Quý II, 2008
	Thẩm định dự án ở huyện Cao Phong	NPO với sự trợ giúp của Đoàn chuyên gia JICA và CP	Quý III, 2008
	Tổ chức người tham gia dự án	NPO với sự trợ giúp của CP và UBND huyện Cao Phong	Quý II - III, 2008

Kế hoạch	Hành động cần có	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian
	Ký hợp đồng giữa NPO và các thành viên tham gia dự án	NPO và các thành viên tham gia dự án với sự trợ giúp của UBND huyện Cao Phong	Quý III - IV, 2008
	Chuẩn bị kế hoạch hoạt động chi tiết để thực thi dự án	NPO với sự trợ giúp của CP và UBND huyện Cao Phong	Quý III - IV, 2008
2. Tích tụ kinh nghiệm AR-CDM thông qua thực thi các dự án (bao gồm cả dự án thí điểm)	Tài liệu hóa kinh nghiệm lập kế hoạch và thực thi các dự án AR-CDM và phổ biến thông qua trang web, hoặc hội thảo AR-CDM	DOF/MARD (thông qua Văn phòng trợ giúp AR-CDM)	Sau khi thẩm định và đăng ký dự án thí điểm
3. Khảo sát đất đai phù hợp với AR-CDM quy mô nhỏ	Đề nghị JICA trợ giúp kỹ thuật	DOF & ICD/MARD	Trong tháng 8/007
	Đàm phán với JICA về khuôn khổ công việc	DOF và ICD/MARD	Phụ thuộc vào JICA





**Nghiên cứu Phát triển năng lực  
xúc tiến trồng rừng mới và tái trồng rừng  
theo cơ chế phát triển sạch (AR-CDM)  
tại CHXHCN Việt Nam**

**BÁO CÁO GIỮA KỲ (2)  
- Các kết quả của nghiên cứu -**

**Mục lục**

**Bản đồ vị trí tỉnh Hòa Bình**

**Trích yếu**

**Trang**

**CHƯƠNG 1 GIỚI THIỆU**

1.1	Cơ sở của Nghiên cứu.....	1-1
1.2	Nghiên cứu.....	1-1
1.2.1	Các mục tiêu của Nghiên cứu .....	1-1
1.2.2	Các hợp phần của Nghiên cứu .....	1-2
1.2.3	Kết quả của Nghiên cứu.....	1-3
1.3	Cơ cấu tổ chức của Nghiên cứu .....	1-3
1.3.1	Đoàn Nghiên cứu JICA .....	1-3
1.3.2	Các cơ quan đối tác và cơ cấu tổ chức của Dự án.....	1-5
1.4	Kế hoạch Nghiên cứu.....	1-6
1.5	Hợp ban chỉ đạo của Dự án.....	1-7

**CHƯƠNG 2 QUY TRÌNH CDM VÀ KINH NGHIỆM Ở VIỆT NAM**

2.1	Các tổ chức CDM và chức năng của các tổ chức này ở Việt Nam .....	2-1
2.1.1	DNA (Cơ quan đầu mối quốc gia) .....	2-1
2.1.2	NSC (Ban chỉ đạo thực hiện Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto) .....	2-1
2.2	Các tiêu chí và quy trình CDM .....	2-2
2.3	Nghiên cứu chiến lược quốc gia về CDM .....	2-5
2.4	Chính sách và Kế hoạch của Chính phủ liên quan đến CDM.....	2-7
2.4.1	Xây dựng kế hoạch thực thi Nghị định thư Kyoto .....	2-7
2.4.2	Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu giai đoạn 2007-2010 .....	2-8
2.4.3	Cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch.....	2-11
2.5	Kinh nghiệm về CDM trong ngành năng lượng .....	2-12
2.5.1	Nguồn tài chính thiếu hụt.....	2-12
2.5.2	Kỹ năng và hiểu biết về CDM chưa đầy đủ .....	2-12

2.5.3	Nguồn nhân lực thiếu hụt.....	2-13
<b>CHƯƠNG 3 NÂNG CAO NHẬN THỨC XÚC TIẾN AR-CDM</b>		
3.1	Các hội nghị tập huấn dành cho đối tác .....	3-1
3.2	Nâng cao kiến thức về AR-CDM cho đối tác .....	3-2
3.3	Hội thảo về AR-CDM dành cho các nhà xây dựng và đầu tư tiềm năng .....	3-6
3.4	Hội thảo về AR-CDM dành cho các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ .....	3-7
<b>CHƯƠNG 4 THIẾT LẬP HỆ THỐNG XÚC TIẾN AR-CDM</b>		
4.1	Hệ thống xúc tiến AR-CDM .....	4-1
4.2	Trang web về AR-CDM.....	4-1
4.2.1	Xây dựng trang web về AR-CDM.....	4-1
4.2.2	Quản lý trang web .....	4-4
4.3	Thành lập văn phòng trợ giúp AR-CDM .....	4-4
4.4	Chuẩn bị sách hướng dẫn AR-CDM và sách nhỏ .....	4-5
4.5	Tìm kiếm nhà đầu tư cho dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ .....	4-9
<b>CHƯƠNG 5 PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN AR-CDM</b>		
5.1	Lựa chọn hiện trường dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ để chuẩn bị dự thảo PDD.....	5-1
5.1.1	Các hiện trường được đối tác đề xuất .....	5-1
5.1.2	Lựa chọn hiện trường tại huyện Cao Phong.....	5-2
5.2	Thực trạng của các hiện trường được lựa chọn tại huyện Cao Phong .....	5-11
5.2.1	Điều kiện tự nhiên.....	5-11
5.2.2	Tình hình kinh tế - xã hội.....	5-13
5.3	Khảo sát hiện trường chuẩn bị dự thảo PDD .....	5-18
5.3.1	Mô tả ranh giới.....	5-18
5.3.2	Phân loại thảm thực vật để phân tầng đường cơ sở.....	5-18
5.3.3	Đo đếm sinh khối đường cơ sở .....	5-20
5.3.4	Phân tích đất.....	5-22
5.3.5	Chứng minh tính phù hợp của đất.....	5-22
5.3.6	Tổ chức họp dân phổ biến dự án thí điểm.....	5-26
5.3.7	Điều tra kinh tế-xã hội .....	5-28
5.3.8	Điều tra rò rỉ.....	5-34
5.4	Đánh giá sự bổ sung.....	5-37
5.5	Chuẩn bị kế hoạch trồng rừng.....	5-39
5.5.1	Thiết kế trồng rừng.....	5-39
5.5.2	Kế hoạch duy trì rừng .....	5-41
5.6	Kế hoạch trồng cỏ.....	5-41
5.7	Tính toán lượng GHG loại bỏ thuần túy do yếu tố dân số bằng các bể chứa .....	5-43
5.7.1	Phương pháp được sử dụng.....	5-43

5.7.2	Lượng GHG loại bỏ thuần túy đường cơ sở bằng các bể chứa .....	5-44
5.7.3	Lượng GHG thuần túy thực tế bị loại bỏ bằng bể chứa .....	5-47
5.7.4	Rò rỉ .....	5-51
5.7.5	Lượng loại bỏ GHG ròng do yếu tố dân số bằng bể chứa.....	5-55
5.8	Đơn vị quản lý Dự án.....	5-55
5.8.1	Những yêu cầu đối với các đơn vị quản lý dự án AR-CDM.....	5-55
5.8.2	Các dạng đơn vị quản lý cho dự án AR-CDM tại Việt nam.....	5-56
5.8.3	Đề xuất đơn vị quản lý dự án thí điểm AR-CDM .....	5-57
5.8.4	Quy trình thành lập Quỹ xã hội.....	5-58
5.9	Kế hoạch giám sát.....	5-60
5.10	Quy trình quản lý chất lượng (QC) và kiểm soát chất lượng (QA) .....	5-63
5.11	Những tác động môi trường và kinh tế - xã hội của các hoạt động của dự án AR-CDM ....	5-66
5.11.1	Những tác động môi trường của các hoạt động của dự án AR-CDM .....	5-66
5.11.2	Những tác động kinh tế - xã hội của các hoạt động của Dự án AR-CDM .....	5-66
5.11.3	Các xem xét về môi trường và xã hội .....	5-66
5.12	Đánh giá tài chính dự án .....	5-68
5.12.1	Đánh giá chi phí trồng lại rừng .....	5-68
5.12.2	Dự tính chi phí trồng cỏ .....	5-69
5.12.3	Dự tính các chi phí khác trong dự án .....	5-69
5.12.4	Dự tính lợi ích của dự án và thu nhập .....	5-70
5.12.5	Chia sẻ chi phí và lợi ích của dự án .....	5-71
5.12.6	Đánh giá tài chính dự án .....	5-72
5.12.7	Phân tích dòng tiền của cơ quan quản lý dự án.....	5-72
5.12.8	Lợi ích của các bên tham gia dự án.....	5-73
5.13	Kế hoạch thực hiện Dự án thí điểm .....	5-74

## CHƯƠNG 6 TẦM NHÌN VÀ CÁC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG XÚC TIẾN AR-CDM

6.1	Các hoạt động giảm nhẹ sự biến đổi khí hậu trong thời gian gần đây .....	6-1
6.1.1	Cộng đồng ngày càng nhận thức được vấn đề nóng lên toàn cầu .....	6-1
6.1.2	Tăng cường thảo luận về vấn đề hậu Kyoto.....	6-1
6.1.3	Mở rộng và liên kết buôn bán phát thải .....	6-1
6.2	Chính sách lâm nghiệp và các chương trình liên quan đến AR-CDM .....	6-2
6.3	Thể chế liên quan đến AR-CDM AR-CDM.....	6-7
6.3.1	Các cơ quan hành chính/chính phủ xúc tiến AR-CDM.....	6-7
6.3.2	Các viện nghiên cứu và trường đại học.....	6-7
6.3.3	Các thể chế tài chính quốc tế và các cơ quan viện trợ .....	6-8
6.4	Tiềm năng phát triển AR-CDM tại Việt Nam .....	6-8
6.4.1	Lợi ích từ việc thực thi AR-CDM tại Việt Nam .....	6-8
6.4.2	Các loại hình dự án AR-CDM phù hợp tại Việt Nam .....	6-10
6.4.3	Tiềm năng phát triển AR-CDM tại Việt Nam .....	6-12

6.5	Các trở ngại trong phát triển và xúc tiến AR-CDM .....	6-13
6.5.1	Trở ngại trong phát triển lâm nghiệp nói chung .....	6-13
6.5.2	Những trở ngại cụ thể đối với .....	6-14
6.6	Tầm nhìn và Kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam.....	6-15
6.6.1	Tuyên bố tầm nhìn .....	6-15
6.6.2	Các biện pháp khắc phục khó khăn trở ngại .....	6-15
6.6.3	Kế hoạch hành động phát triển và xúc tiến AR-CDM .....	6-16

**Phụ lục:**

1. Khuôn khổ công việc (S/W), Biên bản của các cuộc họp thống nhất Khuôn khổ công việc (S/W), Biên bản cuộc họp Ban chỉ đạo và Bản giải trình về việc không phát triển phương pháp mới cho dự án qui mô nhỏ AR-CDM được
2. Kế hoạch chi tiết thực hiện dự án
3. Phiếu thăm dò: Kiến thức hiện tại về Trồng rừng mới và Tái trồng rừng theo cơ chế phát triển sạch (AR-CDM)
4. Đường cơ sở đã được sửa đổi theo hướng đơn giản hoá và các phương pháp giám sát hoạt động của các dự án trồng rừng mới và tái trồng rừng (A/R) quy mô nhỏ theo cơ chế phát triển sạch (CDM) được thực thi trên đất trống cỏ hoặc đất canh tác (AR-AMS001) Bản số 04
5. Bản đồ phân loại thảm thực vật
6. Phân tích ảnh vệ tinh để trình diễn sự thích hợp của đất đai
7. Bản đồ ranh giới dự án cuối cùng
8. Bảng hỏi điều tra phỏng vấn kinh tế xã hội và kết quả
9. Bản đồ thiết kế trồng rừng dự án
10. Bảng, hình liên quan đến dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ
11. Dữ liệu về rừng ở Việt Nam
12. Các ảnh chụp hoạt động

**Bảng:**

Bảng 1.1	Thành viên của Đoàn Nghiên cứu JICA .....	1-3
Bảng 2.1	Tiêu chí loại trừ CDM.....	2-2
Bảng 2.2	Các tiêu chí ưu tiên .....	2-3
Bảng 4.1	Hình ảnh trang web AR-CDM .....	4-3
Bảng 4.2	Đặc điểm kỹ thuật máy chủ trang web lắp đặt tại VFU.....	4-3
Bảng 4.3	Nội dung Sách hướng dẫn AR-CDM quy mô nhỏ .....	4-6
Bảng 5.1	Ước tính diện tích của dự án AR-CDM quy mô nhỏ .....	5-3
Bảng 5.2	Kết quả đánh giá lựa chọn hiện trường.....	5-8
Bảng 5.3	Hiện trạng sử dụng đất huyện Cao Phong năm 2006.....	5-13
Bảng 5.4	Hộ gia đình, dân số và lao động huyện Cao Phong.....	5-14
Bảng 5.5	Cơ cấu lao động huyện Cao Phong năm 2005 .....	5-14
Bảng 5.6	Tốc độ phát triển kinh tế năm 2002 .....	5-15
Bảng 5.7	Cơ cấu kinh tế theo ngành năm 2002.....	5-15
Bảng 5.8	Diện tích trồng trọt nông sản chính.....	5-15
Bảng 5.9	Sản xuất nông sản chính năm 2006.....	5-16
Bảng 5.10	Số lượng gia súc.....	5-16
Bảng 5.11	Tóm tắt nội dung Thông tư liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên.....	5-17
Bảng 5.12	Diện tích mỗi phân tầng trong vùng dự án.....	5-19
Bảng 5.13	Kết quả đo đếm sinh khối đường cơ sở.....	5-21
Bảng 5.14	Đặc tính hóa học đất vùng dự án.....	5-22
Bảng 5.15	Methods of PRA to demonstrate land eligibility.....	5-24
Bảng 5.16	Kết quả phân tích ảnh vệ tinh chứng minh tính phù hợp của đất.....	5-26
Bảng 5.17	Tóm tắt các cuộc họp dân lần 1 (cuộc họp các bên liên quan).....	5-26
Bảng 5.18	Tóm tắt các cuộc họp dân lần 2 (cuộc họp các bên tham gia).....	5-27
Bảng 5.19	Tóm tắt các cuộc họp dân lần 2 (cuộc họp các bên liên quan).....	5-27
Bảng 5.20	Thành phần người được phỏng vấn trong điều tra kinh tế-xã hội.....	5-28
Bảng 5.21	Hiện trạng sử dụng đất được giao trong vùng dự án.....	5-29
Bảng 5.22	Diện tích canh tác trung bình .....	5-30
Bảng 5.23	Lý do tại sao người dân không trồng cây trên đất rừng được giao .....	5-30
Bảng 5.24	Hướng sử dụng đất người dân mong muốn thực hiện trên diện tích đất được giao trong dự án AR-CDM.....	5-31
Bảng 5.25	Số gia súc trong vùng dự án.....	5-31
Bảng 5.26	Thu nhập hàng tháng và hàng năm trong vùng dự án .....	5-31
Bảng 5.27	Kết quả điều tra về những vấn đề hiện tại .....	5-33
Bảng 5.28	Kết quả điều tra những vấn đề khó khăn hiện tại trong chăn nuôi gia súc.....	5-33
Bảng 5.29	Thiết kế trồng và chăm sóc rừng (keo tai tượng).....	5-39
Bảng 5.30	Thiết kế trồng và chăm sóc rừng trồng (Keo lá tràm).....	5-40
Bảng 5.31	Diện tích trồng rừng dự kiến theo loài .....	5-40
Bảng 5.32	Đề xuất kế hoạch duy trì rừng trồng .....	5-41

Bảng 5.33	Dự tính diện tích trồng cỏ và tổng nhu cầu thức ăn xanh .....	5-42
Bảng 5.34	Năng suất và kỹ thuật trồng 2 loài cỏ.....	5-43
Bảng 5.35	Các thông số sử dụng và quá trình tính toán lượng carbon đường cơ sở trong sinh khối.....	5-47
Bảng 5.36	Phân tầng cho lượng GHG thực tế ròng ex-ante bị loại bỏ bằng hấp thụ .....	5-47
Bảng 5.37	Các thông số sử dụng trong tính toán sinh khối trên mặt đất.....	5-48
Bảng 5.38	Khối lượng phân bón sẽ được sử dụng trong dự án .....	5-50
Bảng 5.39	Các thông số được sử dụng và quá trình tính toán khi tiến hành ước tính phát thải N <sub>2</sub> O từ phân bón.....	5-51
Bảng 5.40	Tỷ lệ đất canh tác trên tổng diện tích vùng dự án theo đường cơ sở.....	5-52
Bảng 5.41	Số lượt gia súc chăn thả bình quân tại mỗi điểm hiện trường dự án.....	5-54
Bảng 5.42	Năng lực chăn thả trong vùng dự án .....	5-54
Bảng 5.43	Lượng loại bỏ GHG ròng do yếu tố dân số bằng bể chứa của dự án đề xuất.....	5-55
Bảng 5.44	Các đặc trưng của các đơn vị quản lý dự án AR-CDM.....	5-56
Bảng 5.45	Phân tầng tính toán ex ante lượng loại bỏ GHG.....	5-60
Bảng 5.46	Ma trận phạm vi các tác động môi trường của mỗi hoạt động dự án.....	5-67
Bảng 5.47	Mô tả vắn tắt về các tác động môi trường và kinh tế xã hội .....	5-68
Bảng 5.48	Chi phí tính cho 1 héc ta trồng rừng.....	5-69
Bảng 5.49	Chi phí cho 1 héc ta trồng cỏ .....	5-69
Bảng 5.50	Chi phí trồng 1 héc ta cỏ xanh .....	5-70
Bảng 5.51	Dự kiến chi phí cho hoạt động khuyến lâm và trình diễn .....	5-70
Table 5.52	Tính toán lợi ích/thu nhập của dự án.....	5-71
Bảng 5.53	Chia sẻ chi phí và lợi ích giữa Quỹ xã hội và các bên tham gia dự án.....	5-71
Bảng 5.54	Tỷ suất thu hồi nội bộ tài chính và NPV của dự án.....	5-72
Bảng 5.55	Dòng tiền của Quỹ xã hội .....	5-73
Bảng 5.56	Lợi ích của mỗi hộ gia đình tham gia dự án.....	5-74
Bảng 5.57	Giá trị lao động mà mỗi hộ gia đình dự kiến thực hiện khi tham gia dự án.....	5-74
Bảng 6.1	Một số chỉ tiêu kinh tế.....	6-2
Bảng 6.2	Kết quả thực thi Chương trình 5 triệu ha rừng đến năm 2005 .....	6-4
Bảng 6.3	Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của NFS .....	6-4
Bảng 6.4	Định hướng quy hoạch 3 loại rừng (triệu ha).....	6-5
Bảng 6.5	Diện tích rừng phân loại theo chức năng (2006).....	6-12
Bảng 6.6	Diện tích và tỷ lệ đất trồng (IA+IB) theo 3 loại đất rừng .....	6-13
Bảng 6.7	Kế hoạch hành động phát triển và xúc tiến AR-CDM .....	6-14
Bảng 6.8	Trở ngại trong tiến trình phát triển AR-CDM và các biện pháp khắc phục .....	6-18

**Hình:**

Hình 1.1	Tiến độ nhiệm vụ của các chuyên gia .....	1-4
Hình 1.2	Cơ cấu tổ chức Nghiên cứu.....	1-6
Hình 1.3	Tiến trình Dự án.....	1-8
Hình 2.1	Quy trình phê duyệt PIN và PDD ở Việt Nam .....	2-5
Hình 3.1	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Giới thiệu về CDM)....	3-3
Hình 3.2	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM [1]).....	3-3
Hình 3.3	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM [2]).....	3-4
Hình 3.4	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Quy trình thực hiện AR-CDM [1]) .....	3-4
Hình 3.5	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Quy trình thực hiện AR-CDM [2]) .....	3-5
Hình 3.6	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các phương pháp đường cơ sở và giám sát [1]) .....	3-5
Hình 3.7	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các phương pháp đường cơ sở và giám sát [2]) .....	3-6
Hình 3.8	Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Chi phí giao dịch AR-CDM).....	3-6
Hình 4.1	Hình ảnh trang web AR-CDM .....	4-3
Hình 4.2	Chức năng của Văn phòng trợ giúp AR-CDM.....	4-5
Hình 4.3	Trang bìa Sách hướng dẫn AR-CDM Quy mô nhỏ.....	4-8
Hình 4.4	Trang bìa sách nhỏ giới thiệu xúc tiến AR-CDM quy mô nhỏ .....	4-9
Hình 5.1	Vị trí các điểm hiện trường đã được đánh giá.....	5-7
Hình 5.2	Location of Cao Phong District and Administrative Boundary .....	5-11
Hình 5.3	Nhiệt độ và lượng mưa tại tỉnh Hòa Bình.....	5-12
Hình 5.4	Lịch sử sử dụng đất và thực bì vùng dự án .....	5-25
Hình 5.5	Số thành viên trong gia đình .....	5-28
Hình 5.6	Số thành viên đang trong độ tuổi lao động .....	5-28
Hình 5.7	Phản hồi về hiện trạng sử dụng đất vùng dự án tại thời điểm cuối năm 1989 .....	5-29
Hình 5.8	Nhiên liệu chính được sử dụng trong vùng dự án .....	5-32
Hình 5.9	Thành viên gia đình lấy củi trong vùng dự án.....	5-32
Hình 5.10	Mức độ thường xuyên thu hái củi trong vùng dự án.....	5-33
Hình 5.11	Địa điểm thu hái củi.....	5-34
Hình 5.12	Cơ cấu đơn vị quản lý dự án và các cơ quan đơn vị hỗ trợ.....	5-58
Hình 5.13	Tổ chức của Quỹ xã hội .....	5-58
Hình 5.14	Cấu trúc vận hành và quản lý việc giám sát.....	5-63
Hình 5.15	Quy trình thực hiện QC/QA trong hoạt động của dự án .....	5-65
Hình 6.1	Dự tính lượng t-CER dự án thực hiện trên đất rừng sản xuất với chu kỳ ngắn hạn và dài hạn .....	6-11
Hình 6.2	Dự tính lượng t-CER dự án thực hiện trên đất rừng phòng hộ và đặc dụng .....	6-11

**Thuật ngữ viết tắt:**

ANR	Assisted Natural Regeneration	Xúc tiến tái sinh tự nhiên
AR-CDM	Afforestation/Reforestation Clean Development Mechanism	Trồng rừng mới/Tái trồng rừng theo cơ chế phát triển sạch
BAU	Business as Usual	Kinh doanh như thông thường
CDM	Clean Development Mechanism	Cơ chế phát triển sạch
CDM-EB	Clean Development Mechanism Executive Board	Ban chỉ đạo cơ chế phát triển sạch
CER	Certified Emission Reductions	Giảm phát thải đã được chứng chỉ
CNA	CDM National Authority	Cơ quan thẩm quyền cơ chế phát triển sạch quốc gia
CNECB	CDM National Executive and Consultative Board	Ban Chỉ đạo và Tư vấn quốc gia
COP	Conference of the Parties	Hội nghị các bên liên quan
CP	Counterpart	Đối tác
CPC	Cleaner Production Center	Trung tâm sản xuất sạch
CPC	Commune People's Committee	Ủy Ban Nhân dân xã
CSR	Corporate Social Responsibility	Trách nhiệm xã hội tập thể
d.m.	Dry Matter	Khối lượng khô
DARD	Department of Agriculture and Rural Development	Cục Nông nghiệp Phát triển nông thôn
DMI	Daily Dry Matter Intake	Lượng tiêu thụ vật liệu khô của mỗi con vật nuôi
DNA	Designated National Authority	Cơ quan thẩm quyền quốc gia
DOE	Designated Operational Entities	Cơ quan tác nghiệp thẩm
DOF	Department of Forestry	Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DONRE	Department of Natural Resources and Environment	Cục Tài nguyên và Môi trường
DPC	District People's Committee	Ủy ban nhân dân huyện
EB	Executive Board	Ban chỉ đạo cơ chế phát triển sạch
EIA	Environmental Impact Assessment	Đánh giá tác động môi trường
EU	European Union	Liên minh Châu Âu
EU-ETS	European Union Greenhouse Gas Emission Trading Scheme	Hệ thống giao dịch khí thải của Liên minh Châu Âu
FEZ	Forestry Ecological Zone	Vùng sinh thái rừng
FIRR	Financial Internal Rate of Return	Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ
FSIV	Forest Science Institute of Vietnam	Viện Khoa học Lâm nghiệp
GC	Grazing Capacity	Khả năng chăn thả gia súc
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GEC	Global Environmental Center	Trung tâm môi trường toàn cầu
GHG	Greenhouse Gas	Khí nhà kính
GIS	Geographic Information System	Hệ thống thông tin địa lý
GPS	Global positioning system	Hệ thống định vị toàn cầu
HHs	Households	Hộ gia đình
ICAP	International Carbon Action Partnership	Hiệp hội hành động Carbon quốc tế
ICD	International Cooperation Department	Vụ Hợp tác quốc tế
IFIs	International Financial Institutions	Các tổ chức tài chính quốc tế
IPCC	Intergovernmental Panel on Climate Change	Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu
JBA	Japanese Business Association	Hiệp hội kinh doanh Nhật Bản
JICA	Japan International Cooperation Agency	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
JSC	Joint Stock Company	Công ty chứng khoán
KP	Kyoto Protocol	Nghị định thư Kyoto
ICER	Long-term Certified Emission Reductions	Chứng nhận giảm phát thải dài hạn
LULUCF	Land-use, Land-use Change and Forestry	Sử dụng đất, Biến đổi sử dụng đất và lâm nghiệp
MAI	Mean Annual Increment	Sinh trưởng hàng năm trung bình
MARD	Ministry of Agriculture and Rural Development	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn



MOC	Ministry of Construction	Bộ Xây dựng
MOCI	Ministry of Culture and Information	Bộ Văn hóa và Thông tin
MOET	Ministry of Education and Training	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MOF	Ministry of Finance	Bộ Tài chính
MOFA	Ministry of Foreign Affairs	Bộ Ngoại giao
MOI	Ministry of Industry	Bộ Công nghiệp
MOJ	Ministry of Justice	Bộ Tư Pháp
MONRE	Ministry of Natural Resources and Environment	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MOP	Meeting of the Parties	Hội nghị các bên liên quan
MOST	Ministry of Science and Technology	Bộ Khoa học và Công nghệ
MOT	Ministry of Trade	Bộ Ngoại thương
MPI	Ministry of Planning and Investment	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NFS	National Forestry Strategy	Chiến lược Lâm nghiệp quốc gia
NGO	Non-Governmental Organizations	Các tổ chức phi chính phủ
NPO	Nonprofit Organization	Các tổ chức phi lợi nhuận
NSS	National Strategy Study	Nghiên cứu chiến lược quốc gia
NTFP	Non Timber Forest Products	Lâm sản ngoài gỗ
O&M	Operation & Maintenance	Vận hành và Duy trì
ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ phát triển chính thức
PC	People's Committee	Ủy ban nhân dân
PDD	Project Design Document	Tài liệu thiết kế dự án
PIN	Project Idea Note	Tài liệu ý tưởng dự án
PPC	Provincial People's Committee	Ủy ban nhân dân tỉnh
PRA	Participatory Rural Appraisal	Đánh giá nông thôn có sự tham gia của dân
QA	Quality Assurance	Chứng nhận chất lượng
QC	Quality Control	Kiểm tra chất lượng
RCEE	Research Center for Energy and Environment	Trung tâm nghiên cứu Năng lượng và Môi trường
RCFEE	Research Center for Forest Ecology and Environment	Trung tâm nghiên cứu sinh thái học và môi trường
SD	Standard Deviation	Độ lệch tiêu chuẩn
SOP	Standard Operating Procedures	Quy trình vận hành tiêu chuẩn
tCER	Temporary Certified Emission Reductions	Chứng nhận giảm phát thải tạm thời
UNDP	United Nations Development Program	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
UNEP	United Nations Environment Programme	Chương trình môi trường Liên hiệp quốc
UNFCCC	United Nations Framework Convention on Climate Change	Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu
UNIDO	United Nations Industrial Development Organization	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hiệp quốc
UPS	Uninterruptible Power Supply	Bộ lưu điện
VEPF	Vietnam Environmental Protection Fund	Quỹ bảo vệ môi trường Việt nam
VFU	Vietnam Forestry University	Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam
VINAFOR	Vietnam Forest Cooperation	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam
VNCPC	Vietnam Cleaner Production Center	Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam
VND	Vietnam Don (Currency)	Tiền Đồng Việt Nam
VUSTA	Vietnam Union of Science and Technology Association	Hiệp hội Khoa học và Công nghệ Việt Nam
SMHRP	Five Million Hectare Reforestation Program	Chương trình quốc gia trồng mới 5 triệu ha rừng



## CHƯƠNG 1 GIỚI THIỆU

### 1.1 Cơ sở của Nghiên cứu

Tháng 6 năm 1992, tại Rio de Janeiro, Brazil, nhiều nước đã ký Công ước khung của Liên Hiệp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). Đây là cam kết của các nước để hình thành khuôn khổ giảm thiểu và ổn định khí nhà kính (GHG) trong khí quyển và ngăn chặn các hiệu quả gây nguy hại đến hệ thống khí hậu. Nghị định thư Kyoto là một văn bản của UNFCCC được phê duyệt tại Kyoto, Nhật Bản trong tháng 12/1997. Cơ chế phát triển sạch (CDM) là một trong ba cơ chế được đề cập trong Nghị định thư Kyoto có ý nghĩa thực tiễn đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Có hai hình thức CDM: một là CDM giảm phát thải khí nhà kính (GHG); hai là CDM hấp thụ khí nhà kính bằng bể chứa (GHG) (Trồng rừng mới/Tái trồng rừng theo CDM viết tắt là AR-CDM).

Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn Nghị định thư Kyoto vào tháng 9/2002 và sau đó thành lập Cơ quan quốc gia về CDM (CNA) thuộc Bộ Tài nguyên và Môi Trường (Bộ TN-MT) là Cơ quan quốc gia được uỷ quyền (DNA). Tháng 4/2003, Ban Tư vấn và Điều hành quốc gia về CDM (CNECB) được thành lập với 12 đại diện của các bộ có liên quan và do Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ TN-MT chủ trì. Chính phủ Việt Nam đã hoạt động tích cực để góp phần ngăn chặn hiện tượng trái đất nóng lên trên phạm vi toàn cầu thông qua việc thiết lập một hệ thống thể chế cần thiết cho CDM.

Trong ngành lâm nghiệp, năm 1997, Chính phủ Việt Nam đã thông qua Chương trình quốc gia trồng mới 5 triệu ha rừng để nâng độ che phủ rừng của đất nước lên 43% vào năm 2010. Chính phủ có ý định xúc tiến AR-CDM không chỉ vì mục đích hấp thụ GHG, mà còn tạo điều kiện trồng lại rừng trên hơn 6 triệu ha đất trống, đồi núi trọc trong cả nước<sup>1</sup>. Để thực hiện ý định này, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Bộ NN-PTNT), với tư cách là đầu mối Chương trình AR-CDM, đã xác định lại vị trí và vai trò của ngành lâm nghiệp và đã có những hoạt động để xúc tiến và thực thi các dự án AR-CDM. Tuy vậy, trên phạm vi quốc tế, AR-CDM vẫn còn là một lĩnh vực thuộc một cơ chế phát triển khá mới mẻ. Vì vậy, Bộ NN-PTNT, cũng như các cơ quan có liên quan khác, hiện còn hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm, và năng lực xúc tiến AR-CDM.

Trong bối cảnh như vậy, vào tháng 7 năm 2004, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản tiến hành một Dự án nghiên cứu phát triển để xúc tiến AR-CDM. Đáp lại yêu cầu này, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã cử hai đoàn nghiên cứu chuẩn bị và một đoàn nghiên cứu sơ bộ sang Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 5/2005 đến tháng 3/2006. Cuối cùng, tháng 7/2006 JICA và Bộ NN-PTNT đã thoả thuận và ký kết Khuôn khổ công việc (S/W) cho Nghiên cứu Phát triển năng lực xúc tiến AR-CDM tại nước CHXHCN Việt Nam.

### 1.2 Nghiên cứu

#### 1.2.1 Các mục tiêu của Nghiên cứu

Nghiên cứu có các mục tiêu được tóm tắt như sau:

<sup>1</sup> Theo QĐ số 1970/QĐ/BNN-QL ngày 6/7/2006 của Bộ NN&PTNT, diện tích đất trống đồi trọc cuối năm 2005 là 6,4 triệu ha.

- 1) Hỗ trợ các cơ quan của Chính phủ (Cục Lâm nghiệp - Cục LN - thuộc Bộ NN-PTNT), Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam - ĐHLNVN, và Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam - Viện KHLNVN) phát triển năng lực xúc tiến AR-CDM.
- 2) Khuyến nghị một tầm nhìn và các kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam.

### 1.2.2 Các hợp phần của Nghiên cứu

Nghiên cứu bao gồm 3 mô-đun chính về phát triển năng lực xúc tiến AR-CDM. Thông qua việc thực hiện các mô-đun này, Đoàn Nghiên cứu nghiên cứu và đề xuất một tầm nhìn để xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam và các kế hoạch hành động, bao gồm các giải pháp về thể chế, chính sách và pháp chế và phát triển năng lực.

(1) Hỗ trợ nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Tiến hành các cuộc hội thảo và tập huấn nâng cao nhận thức AR-CDM cho các cơ quan đối tác, các tổ chức chính phủ, và những người có tiềm năng xây dựng và đầu tư dự án.</li><li>➤ Nhằm phát triển năng lực của các đối tác tự tổ chức các cuộc hội thảo và tập huấn AR-CDM cho các cơ quan có liên quan khác và cho những người có tiềm năng xây dựng và đầu tư các dự án.</li><li>➤ Hỗ trợ nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM thông qua việc thiết lập một trang web.</li></ul>
(2) Hỗ trợ thiết lập hệ thống xúc tiến AR-CDM	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Hợp tác với Cục LN/Bộ NN-PTNT, đầu mối AR-CDM của Việt Nam và các cơ quan có liên quan khác để thiết lập hệ thống trong hỗ xúc tiến AR-CDM như Văn phòng hỗ trợ, trang web...để cung cấp các thông tin cần thiết và các dịch vụ cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM trong nước và nước ngoài.</li><li>➤ Làm rõ và xác định các nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cơ quan trong cung cấp các thông tin và các dịch vụ cần thiết cho AR-CDM</li></ul>
(3) Hỗ trợ phát triển năng lực xây dựng dự án AR-CDM	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Thông qua sự cộng tác giữa Đoàn chuyên gia Dự án và các đối tác, sẽ chuẩn bị một dự thảo văn bản thiết kế dự án (PDD) về AR-CDM qui mô nhỏ. Các hoạt động này có thể bao gồm xây dựng một phương pháp đường cơ sở giám sát mới, <u>nếu cần thiết</u>. Với các hoạt động này, các đối tác có thể nhận biết được các thông tin và nhu cầu hỗ trợ do các nhà xây dựng và đầu tư dự án đặt ra. Đồng thời, sẽ phát triển năng lực của các đối tác trong việc tạo điều kiện xây dựng các dự án AR-CDM mà không cần sự trợ giúp từ bên ngoài.</li></ul>

### **1.2.3 Kết quả của Nghiên cứu**

Các kết quả chính của Nghiên cứu bao gồm:

- (1) Một tầm nhìn và các kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam.
- (2) Một quyển sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng và đầu tư các dự án AR-CDM.
- (3) Một trang web bao gồm các thông tin và dịch vụ cần thiết để xây dựng các dự án AR-CDM ở Việt Nam.
- (4) Một dự thảo tài liệu thiết kế dự án AR-CDM qui mô nhỏ, bao gồm cả phương pháp mới, nếu thấy cần thiết.

### **1.3 Cơ cấu tổ chức của Nghiên cứu**

#### **1.3.1 Đoàn Nghiên cứu JICA**

Đoàn Nghiên cứu JICA bao gồm các thành viên như trình bày dưới đây. Quy trình cử chuyên gia như trong Hình 1.1.

**Bảng 1.1 Thành viên của Đoàn Nghiên cứu JICA**

Specialty	Name
Tư vấn trưởng/phát triển thể chế CDM (1)	Akihiko Sasaki
Phát triển thể chế CDM (2)	Hiroataka Negishi
Lâm nghiệp CDM (1)	Makino Yamanoshita (Yamada)
Lâm nghiệp CDM (2)	Tomoki Nakamura
Lập kế hoạch Dự án CDM (1)	Masaru Ishikawa
Lập kế hoạch Dự án CDM (2)	Tsuyoshi Toriu
Hội thảo CDM/Đánh giá văn bản thiết kế dự án	Takuya Ogushi
Phân tích ảnh vệ tinh	Itaru Morita
Điều phối viên	Tomoki Nakamura

JICA đã tổ chức Ban hỗ trợ kỹ thuật gồm các chuyên gia và các nhà nghiên cứu AR-CDM Nhật Bản để hỗ trợ Nghiên cứu.



### 1.3.2 Các cơ quan đối tác và cơ cấu tổ chức của Dự án

Các cơ quan đối tác của Dự án là Cục LN, Trường ĐHLNVN và Viện KHLNVN. Tất cả các đơn vị này đều trực thuộc Bộ NN-PTNT.

Ba tổ chức sau được thành lập để thực thi Dự án một cách trôi chảy.

Organizations	Responsibilities and Formation			
Ban Điều hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Điều phối thực hiện và giám sát Dự án tại cấp trung ương</li> <li>➤ Phó Cục trưởng của Cục LN, Bộ NN-PTNT làm Trưởng ban (hoặc người tương đương)</li> <li>➤ Các cơ quan Chính phủ Việt Nam có liên quan, Trường ĐHLNVN, Viện KHLNVN, Văn phòng JICA ở Việt Nam là các thành viên của Ban</li> <li>➤ Ban sẽ được đã tổ chức để xem xét và phê duyệt Báo cáo khởi động, xác nhận các kết quả hoạt động của Nghiên cứu.</li> </ul>			
Đơn vị thường trực	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Được thành lập tại Cục LN, Bộ NN-PTNT và hỗ trợ Ban chỉ đạo thực hiện vai trò của mình</li> <li>➤ Định kỳ họp với Đoàn chuyên gia và Nhóm đối tác hai tuần một lần và đưa ra các ý kiến và phương hướng thực thi Dự án</li> <li>➤ Phối hợp với các cơ quan có liên quan, thu thập các ý kiến và gợi ý từ các cơ quan này.</li> </ul>			
	Họ và tên	Vị trí công tác		
	Ông Phạm Đức Tuấn	Phó cục trưởng, Cục LN		
	Ông Bùi Chính Nghĩa	Trưởng Phòng ĐTR, Cục LN		
Tổ công tác đối ứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Thực thi Nghiên cứu cùng với Đoàn Nghiên cứu JICA. Danh sách thành viên của Tổ công tác như sau.</li> </ul>			
		Họ và tên	Vị trí	Tổ chức
	1.	Ông Phạm Xuân Hoàn	Giám đốc Dự án	Hiệu phó Trường ĐHLN VN
	2.	Bà Đỗ Thị Ngọc Bích	Điều phối viên Dự án	Phó Phòng Quản lý KH và HTQT, Trường ĐHLN VN
	3.	Ông Nguyễn Quang Hà		Trường ĐHLN VN
	4.	Ông Phạm Văn Điển		Viện Sinh thái rừng và Môi trường (IFEE), ĐHLN VN
	5.	Ông Phạm Minh Toại		ĐHLN VN (giảng viên trẻ)
	6.	Ông Nguyễn Thế Dũng		ĐHLN VN (giảng viên trẻ)
	7.	Bà Nguyễn Thị Bích Hào		ĐHLN VN (giảng viên trẻ)
	8.	Bà Phí Thị Hải Ninh		ĐHLN VN (giảng viên trẻ)
	9.	Bà Lê Hồng Liên		IFEE, ĐHLN VN (cán bộ trẻ)
	10.	Ông Vũ Tấn Phương		Quyền Giám đốc, TTNCSTR&MT
	11.	Ông Trần Lâm Đồng		Nghiên cứu viên Phòng lâm sinh, Viện KHLNVN
	12.	Ông Nguyễn Tiến Hùng		Nghiên cứu viên của TTNCSTR&MT
	13.	Ông Nguyễn Thanh Tùng		Nghiên cứu viên của TTNCSTR&MT
	14.	Bà Trần Thị Thu Hà		Nghiên cứu viên của TTNCSTR&MT
	15.	Ông Nguyễn Việt Xuân		Nghiên cứu viên của TTNCSTR&MT
	16.	Ông Nguyễn Hùng Cường		Nghiên cứu viên của TTNCSTR&MT
	17.	Ông Trần Trung Thành		Nghiên cứu viên của TTNCSTR&MT
18.	Ông Phạm Ngọc Thành		Nghiên cứu viên của	





Trong tháng 10/ 2007, thông qua Bộ Kế hoạch đầu tư (KHĐT), Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản gia hạn thời gian thực hiện Nghiên cứu thêm 1 năm để hỗ trợ việc thẩm định dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ do Nghiên cứu xây dựng. Chính phủ Nhật Bản đã chấp nhận đề nghị này và JICA cùng Bộ NN&PTNT đã ký kết biên bản thảo luận việc gia hạn này.

Tiến trình công việc của Nghiên cứu phản ánh việc gia hạn Nghiên cứu được thể hiện ở Hình 1.3. Nghiên cứu sẽ hỗ trợ quá trình Cơ quan tác nghiệp được chỉ định (DOE) thẩm định dự án thí điểm nhằm mục tiêu hiện thực hóa dự án AR-CDM đầu tiên tại Việt Nam.

## 1.5 Hợp ban chỉ đạo của Dự án

Hợp ban chỉ đạo (SC) của Dự án đã được tổ chức hai lần kể từ khi Dự án được khởi động: Lần thứ nhất vào ngày 17 tháng 11 năm 2006 và lần thứ hai vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Trong cuộc họp lần thứ nhất Đoàn nghiên cứu đã giải thích với các thành viên Ban chỉ đạo về nội dung của Báo cáo khởi đầu bao gồm Mục tiêu, phạm vi, kết quả và kế hoạch hoạt động của Đoàn nghiên cứu. Tất cả các đại biểu đều nhất trí rằng Báo cáo khởi đầu cần làm rõ các vấn đề như cần đưa thêm tóm tắt của Báo cáo và một bảng giải thích vắn tắt về AR-CDM.

Trong cuộc họp thứ 2 Đoàn nghiên cứu đã trình bày nội dung của Báo cáo giữa kỳ, trọng tâm chính là tiến độ thực hiện của Đoàn nghiên cứu từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 2 năm 2007. Trưởng Ban chỉ đạo đã bày tỏ sự khen ngợi về tiến triển tốt của Đoàn nghiên cứu cũng như sự phối hợp khăng khít giữa Đoàn nghiên cứu và các đối tác. Cuộc họp cũng thảo luận về việc phát triển một phương pháp mới cho dự án AR-CDM qui mô nhỏ. Phía Đối tác giải thích việc đưa ra một phương pháp mới là rất khó khăn và tốn kém vì thế Đoàn nghiên cứu nên dùng phương pháp đã được UNFCCC phê chuẩn hiện nay. Trưởng Ban chỉ đạo đã kết luận, Đoàn nghiên cứu cần giải trình về vấn đề này lên Cục Lâm nghiệp (DOF) thông qua Ban thường trực để xin ý kiến hướng dẫn thực hiện. Đoàn nghiên cứu đã trình Bản giải trình lên Ban thường trực ngày 15 tháng 6 năm 2007.

Biên bản cuộc họp Ban chỉ đạo và Bản giải trình về việc không phát triển phương pháp mới cho dự án qui mô nhỏ AR-CDM được trình bày trong *Phụ lục-1*.

Hình 1.3 Tiến trình Dự án (1/2)

Năm TK	tháng/năm	Công việc chuẩn bị ở Nhật Bản và Việt Nam	Phát triển năng lực				Đề xuất một tầm nhìn xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam và các biện pháp có liên quan để thực hiện	Hội thảo và tập huấn v.v....	Báo cáo	Giải thích và thảo luận	
			Nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM	Thiết lập hệ thống xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam kể cả cung cấp các thông tin và dịch vụ cần thiết	Phát triển năng lực xây dựng dự án AR-CDM qui mô nhỏ						
Năm tài khoá 2006 (năm thứ nhất)	tháng 10/2006	[0-1] Thu thập, bố trí và xem xét các số liệu thử cấp hiện tại [0-2] Nghiên cứu tình hình AR-CDM hiện tại và xem xét các phương pháp							[0-3] Chuẩn bị Dự thảo Báo cáo khởi động		
	tháng 11/2006	[1-2] Thu thập thêm và xem xét các số liệu và thông tin thử cấp [1-3] Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan cho Nghiên cứu [1-4] Chuẩn bị kế hoạch công tác chung của Nghiên cứu với các thành viên	[1-6] Thảo luận về các nội dung và phương pháp các hoạt động nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM cho các thành viên cộng tác viên	[1-8] Thảo luận và chuẩn bị nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM cho các cơ quan có liên quan	[1-10] Lập kế hoạch thành lập hệ thống xúc tiến AR-CDM	<b>Ưu tiên hiện trường đề xuất cho chuẩn bị PDD và xem xét KHUON KHÓ PDD cơ bản</b> [1-13] Xem xét thủ tục chuẩn bị PDD [1-14] Xác định nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các cộng tác viên và chuẩn bị PDD [1-15] Xác định các ứng viên hiện trường chuẩn bị dự thảo PDD [1-16] Thu thập thông tin về các ứng viên hiện trường chuẩn bị dự thảo PDD [1-17] Khảo sát ngoại nghiệp các ứng viên hiện trường [1-18] Lựa chọn một hiện trường ứng viên chuẩn bị dự thảo PDD [1-19] Nghiên cứu các phương pháp, giá trị bổ sung và thành viên tham gia dự án	[1-20] Xem xét chiến lược CDM quốc gia và các kế hoạch có liên quan đến AR-CDM [1-21] Nghiên cứu các trở lực trong xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam	[1-4] Chuẩn bị chương trình công tác chung với các đối tác [1-5] Chuẩn bị Báo cáo khởi động	[1-1] Giải thích Dự thảo Báo cáo khởi động [1-5] Hỗ trợ tổ chức cuộc họp của Ban CD để phê duyệt Báo cáo khởi động		
	tháng 12/2006		[1-7] Thực hiện nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM cho các thành viên cộng tác viên	[1-9] Thực hiện nâng cao nhận thức AR-CDM cho các cơ quan có liên quan	[1-11] Lập kế hoạch chuẩn bị xây dựng một cuốn sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM	[1-12] Lập kế hoạch thiết lập một trang Web cung cấp thông tin và các số liệu		Hội thảo kiến thức căn cơ về AR-CDM			
	tháng 1/2007								Hội thảo nâng cao nhận thức AR-CDM (1)		
				[1-23] Xác định kế hoạch công tác trong năm thứ hai						[2-1] Chuẩn bị Báo cáo tạm thời	
tháng 2/2007											
tháng 3/2007											
Năm tài khoá 2007 (năm thứ hai)	tháng 4/2007										
	tháng 5/2007									[3-1] Giải thích Báo cáo chuyên đề	
	tháng 6/2007				[3-4] Thu thập các số liệu và phối hợp với các cơ quan có liên quan thiết lập hệ thống xúc tiến AR-CDM	[3-8] Thiết lập và vận hành một trang Web cung cấp thông tin có liên quan đến AR-CDM	<b>Chuẩn bị dự thảo PDD</b> [3-9] Giải thích cho các đối tác địa phương về dự án AR-CDM thực sự [3-10] Nghiên cứu trình diễn giá trị bổ sung của dự án AR-CDM thực sự [3-11] Phát triển các phương pháp trình diễn và giám sát cơ bản [3-12] Nghiên cứu phát lộ và ước tính lượng phát lộ có liên quan đến dự án AR-CDM thực sự [3-13] Đánh giá cơ quan thực hiện đối với dự án AR-CDM thực sự [3-14] Đánh giá các nhà xây dựng, đầu tư và khách hàng CER có tiềm năng [3-15] Nghiên cứu các ảnh hưởng xã hội - kinh tế [3-16] Đánh giá ảnh hưởng môi trường của dự án AR-CDM thực sự [3-17] Thu thập các ý kiến bình luận của các đối tác [3-18] Chuẩn bị dự thảo PDD của dự án AR-CDM thực sự và tập hợp các số liệu thu thập được	[3-19] Chuẩn bị chính sách và các biện pháp qui định cho xúc tiến AR-CDM [3-20] Phân tích khả năng AR-CDM ở Việt Nam	[3-7] Chuẩn bị và in ấn sách hướng dẫn cho các nhà xây dựng và đầu tư dự án AR-CDM		
	tháng 7/2007										
	tháng 8/2007		[3-2] Lập kế hoạch nâng cao nhận thức xúc tiến cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM								
	tháng 9/2007					(Vận hành một trang Web)				[3-18] Chuẩn bị dự thảo PDD cho dự án AR-CDM thực sự	
	tháng 10/2007		[3-3] Thực hiện nâng cao nhận thức cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM	[3-6] Hoạt động thử nghiệm và xác định hệ thống xúc tiến AR-CDM (văn phòng trợ giúp)					[5-3] Tiến hành Hội thảo trình bày các thành quả Dự án		
	tháng 11/2007								Tập huấn đánh giá AR-CDM		
	tháng 12/2007								Hội thảo cho các nhà xây dựng dự	[4-1] Chuẩn bị dự thảo báo cáo	
	tháng 1/2008									[5-1] Giải thích và thảo luận về Dự thảo Báo cáo	
			[5-2] Thu thập các ý kiến bình luận về Dự thảo Báo cáo								
tháng 2/2008								Hội thảo nâng cao nhận thức AR-CDM (2)	[6-1] Chuẩn bị và trình Báo cáo		
tháng 3/2008											

Công việc ở Nhật  
Công việc ở VN

Hình 1.3 Tiến trình Dự án (2/2)

Năm TK	tháng/năm	Công việc chuẩn bị ở Nhật Bản và Việt Nam	Phát triển năng lực			Đề xuất một tầm nhìn xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam và các biện pháp có liên quan để thực hiện	Hội thảo và tập huấn vv....	Báo cáo	Giải thích và thảo luận
			Nâng cao nhận thức xúc tiến AR-CDM	Thiết lập hệ thống xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam kể cả cung cấp các thông tin và dịch vụ cần thiết	Phát triển năng lực xây dựng dự án AR-CDM quy mô nhỏ				
Năm tài khoá 2008 (năm thứ ba)	tháng 4/2008				<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <b>Support for verification</b>                      [7-1] Lựa chọn cơ quan tác nghiệp thẩm định (DOE) phù hợp và ký hợp đồng với DOE                      [7-2] Cung cấp thông tin cho DOE                      [8-1] Hỗ trợ kiểm chứng tài liệu thiết kế dự án (PDD)      [8-2] Cập nhật PDD (nếu cần thiết)                      [9-1] Cập nhật PDD (nếu cần thiết)                      [10-2] Thu thập các ý kiến bình luận về Dự thảo Báo cáo cuối cùng                 </div>				
	tháng 5/2008								
	tháng 6/2008								
	tháng 7/2008								
	tháng 8/2008								
	tháng 9/2008								
	tháng 10/2008								
	tháng 11/2008								
	tháng 12/2008								
	tháng 1/2009								
	tháng 2/2009								
	tháng 3/2009								
Kết quả Dự án			Bộ NN-PTNT và các cơ quan có liên quan có đủ kiến thức và kỹ năng về AR-CDM	Các đối tác có khả năng tập hợp, quản lý và cung cấp thông tin kỹ thuật về AR-CDM	Các đối tác có kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện dự án và có khả năng xúc tiến AR-CDM				

Công việc ở Nhật  
Công việc ở VN



## CHƯƠNG 2 QUY TRÌNH CDM VÀ KINH NGHIỆM Ở VIỆT NAM

### 2.1 Các tổ chức CDM và chức năng của các tổ chức này ở Việt Nam

#### 2.1.1 DNA (Cơ quan đầu mối quốc gia)

Hiệp ước Marrakech yêu cầu các nước chủ dự án CDM thành lập DNA. Vụ Hợp tác quốc tế (ICD) của Bộ Tài nguyên - Môi trường (TNMT) đã được chỉ định làm DNA trong tháng 3/2003<sup>1</sup> và chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến Nghị định thư Kyoto ở Việt Nam. DNA cũng được gọi tên là CNA (Cơ quan quốc gia về CDM) ở Việt Nam và Vụ trưởng ICD chỉ đạo cơ quan này. Chức năng của DNA là:

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá, các quy định và văn bản hướng dẫn quốc gia về CDM
- Đánh giá các dự án CDM ở cấp quốc gia
- Đề trình các dự án CDM tiềm năng lên Ban Điều hành quốc gia về Nghị định thư Kyoto, Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu để đánh giá.
- Tiếp nhận, đánh giá các văn bản ý tưởng dự án (PIN) hoặc tài liệu thiết kế dự án (PDD) cho MONRE để ra văn bản chấp nhận chính thức hoặc văn bản phê duyệt
- Cung cấp thông tin về CDM cho các nhà đầu tư có quan tâm, các tổ chức có liên quan, các nhà tư vấn và công chúng
- Quản lý và điều phối các hoạt động CDM và đầu tư ở Việt Nam.

#### 2.1.2 NSC (Ban chỉ đạo thực hiện Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto)

DNA báo cáo về các đơn đề nghị về CDM cho NSC và NSC báo cáo Bộ trưởng Bộ TNMT để ra văn bản chính thức chấp nhận PIN hoặc phê duyệt PDD. NSC có 16 thành viên do Thứ trưởng Bộ TNMT làm Trưởng Ban, gồm cán bộ của Bộ TNMT (3 người kể cả Trưởng ban), Bộ Kế hoạch đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Khoa học Công nghệ (KH-CN), Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và PTNT (NN&PTNT), Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục đào tạo (GDĐT), Bộ Thương mại, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Công nghiệp, Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Lao động Thương binh và xã hội, và Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam<sup>2</sup>.

Ban chỉ đạo thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto có nhiệm vụ quản lý, xây dựng và thực hiện các dự án CDM tại Việt Nam. Đánh giá và đưa ra đề xuất đối với PIN cũng là nhiệm vụ của NSC. NSC họp thường kỳ vào tháng 1, 4 và 8 hàng năm. Ngoài ra các cuộc họp bất thường cũng sẽ được triệu tập khi có nhu cầu đánh giá và phê duyệt dự án.

<sup>1</sup> Theo văn bản số 502/BTNMT-HTQT ngày 24/3/2003.

<sup>2</sup> Theo QĐ số 1016/QĐ-BTNMT ngày 4/7/2007 của Bộ TNMT, Ban Điều hành quốc gia thay thế Ban điều hành và tư vấn quốc gia về CDM

## 2.2 Các tiêu chí và quy trình CDM

### (1) Các tiêu chí CDM

Ở Việt Nam, các dự án CDM được DNA đánh giá theo 2 loại tiêu chí dựa trên các yêu cầu được quốc tế chấp nhận áp dụng cho các dự án CDM và nhằm đảm bảo rằng các dự án sẽ thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam.

Các tiêu chí loại trừ sẽ được áp dụng để xem xét liệu dự án đề xuất có được tiếp tục phân tích hay không. Dự án sẽ bị loại bỏ nếu không đáp ứng tiêu chí loại trừ. Có 3 loại tiêu chí loại trừ: Tính bền vững, Giá trị bổ sung và Tính khả thi.

**Bảng 2.1 Tiêu chí loại trừ CDM**

Loại tiêu chí	Nội dung của tiêu chí	
A: Tính bền vững	A1: Phù hợp với các mục tiêu bền vững quốc gia.	
	A2: Đáp ứng các mục tiêu chiến lược của ngành và tỉnh.	
B: Giá trị bổ sung	B1: Đường cơ sở	B11: Để xác định đường cơ sở của dự án hiện tại, tất cả các chỉ số kinh tế và kỹ thuật cần phải phù hợp với BAU (hoạt động một cách bình thường) của phân ngành. Nếu các chỉ số CDM có liên quan thấp hơn BAU, cần chỉ ra rằng các nguồn lực hiện có đã được huy động ở mức tối đa để đạt được thực trạng hiện tại.
		B12: Để xác định đường cơ sở của dự án được quy hoạch, tất cả các chỉ số kinh tế và kỹ thuật cần phải phù hợp với BAU phân ngành. Nếu các chỉ số CDM có liên quan thấp hơn BAU, cần phải chỉ ra rằng tất cả các chỉ số đều ở mức trung bình của vùng hoặc ở mức độ đáp ứng yêu cầu theo quy định về môi trường của quốc gia tại thời điểm xem xét.
	B2: Giảm phát thải	B2: Giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ các dự án CDM cần phải thấp hơn đường cơ sở của dự án. Sự giảm phát thải phải đo đếm và kiểm chứng được.
	B3: Tài chính	B3: Nguồn tài chính CDM sẽ bổ sung cho các cơ chế hiện hành, như ODA, GEF
C: Tính khả thi	C1: Sự hỗ trợ của chính phủ sẽ được đảm bảo.	
	C2: Phương pháp giám sát và mức độ hoàn thành sẽ được miêu tả rõ ràng.	

*Nguồn: Tập hợp các đề xuất dự án CDM Việt Nam, MONRE (Tháng 3/2005)*

Cùng với các tiêu chí loại trừ còn có các Tiêu chí ưu tiên về tính bền vững về kinh tế và môi trường, xã hội và thể chế, sức sống về mặt thương mại và tính khả thi để xác định thứ tự ưu tiên của các dự án phù hợp với CDM ở Việt Nam. Các tiêu chí này định tính và không có các tiêu chuẩn đo đếm.

**Bảng 2.2 Các tiêu chí ưu tiên**

Loại	Nội dung tiêu chí		
<b>A: Tính bền vững</b>	Tính bền vững về kinh tế	Tạo thu nhập quốc gia	♦ Tăng trưởng thu nhập quốc gia ♦ Thu nhập từ CER
		Giá trị kinh tế bổ sung	♦ Chuyển giao công nghệ ♦ Thay thế nhập khẩu
	Tính bền vững về môi trường	Hiệu ứng nhà kính	♦ Giảm phát thải GHG
		Ô nhiễm phi GHG	♦ Phát thải ô nhiễm phi GHG ♦ Ô nhiễm nước phi GHG
		Phế thải	♦ Mức độ tạo phế thải
		Hệ sinh thái	♦ % thay đổi tàn che rừng ♦ Xói mòn đất ♦ Tác động có thể xảy ra với đa dạng sinh học
	Tính bền vững về xã hội và thể chế	Xoá bỏ nghèo đói	♦ Tạo việc làm cho nông thôn ♦ Giảm số lượng hộ nghèo
		Chất lượng cuộc sống	♦ Thu nhập của người dân ♦ Cải thiện điều kiện sống
		Sự sẵn sàng của các cơ quan thực thi	♦ Khu vực công ♦ Khu vực tư nhân
	<b>B: Sức sống về thương mại</b>	Nhu cầu quốc tế	
Sự hấp dẫn các nhà đầu tư			
<b>C: Tính khả thi</b>	Có sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các cơ quan trung ương và địa phương và hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư		
	Có đủ cơ sở hạ tầng và nhân lực		

(2) Quy trình phê duyệt

Thông tư số 10/2006/TT-BTNMT của Bộ TNMT ngày 12/12/2006 hướng dẫn chi tiết việc chuẩn bị, xây dựng, chứng nhận và phê duyệt các dự án CDM ở Việt Nam. Theo Thông tư này, các thành viên dự án cần phải chuẩn bị PIN bằng tiếng Anh và tiếng Việt theo mẫu do Thông tư này quy định nếu nhà đầu tư yêu cầu có xác nhận của Bộ TNMT. PIN phải được đệ trình lên DNA cùng với các văn bản sau đây:

- (i) Văn bản chính thức của cơ quan thực thi dự án đề nghị xem xét dự án.
- (ii) Công văn chính thức của bộ, ngành hoặc uỷ ban nhân dân trực thuộc trung ương quản lý dự án đề nghị xem xét và chấp nhận dự án.
- (iii) Các ý kiến bình luận của các bên có liên quan đến dự án (như chính quyền huyện nơi sẽ thực thi dự án, các tổ chức/cộng đồng sẽ sử dụng kết quả của dự án hoặc trực tiếp bị các tác động của các hoạt động dự án).

Sau khi tiếp nhận PIN, DNA sẽ xem xét tư cách pháp lý của dự án và kiểm tra các văn bản gửi kèm. Sau đó, DNA sẽ chuyển cho các thành viên của NSC xem xét và bình luận bằng văn bản<sup>3</sup>. Dựa vào các ý kiến bình luận của NSC, Bộ trưởng Bộ TNMT sẽ xem xét lại và ra văn bản chấp nhận. Toàn bộ quá trình này phải kết thúc trong vòng 25 ngày sau khi DNA tiếp nhận PIN và tất cả các văn bản gửi kèm

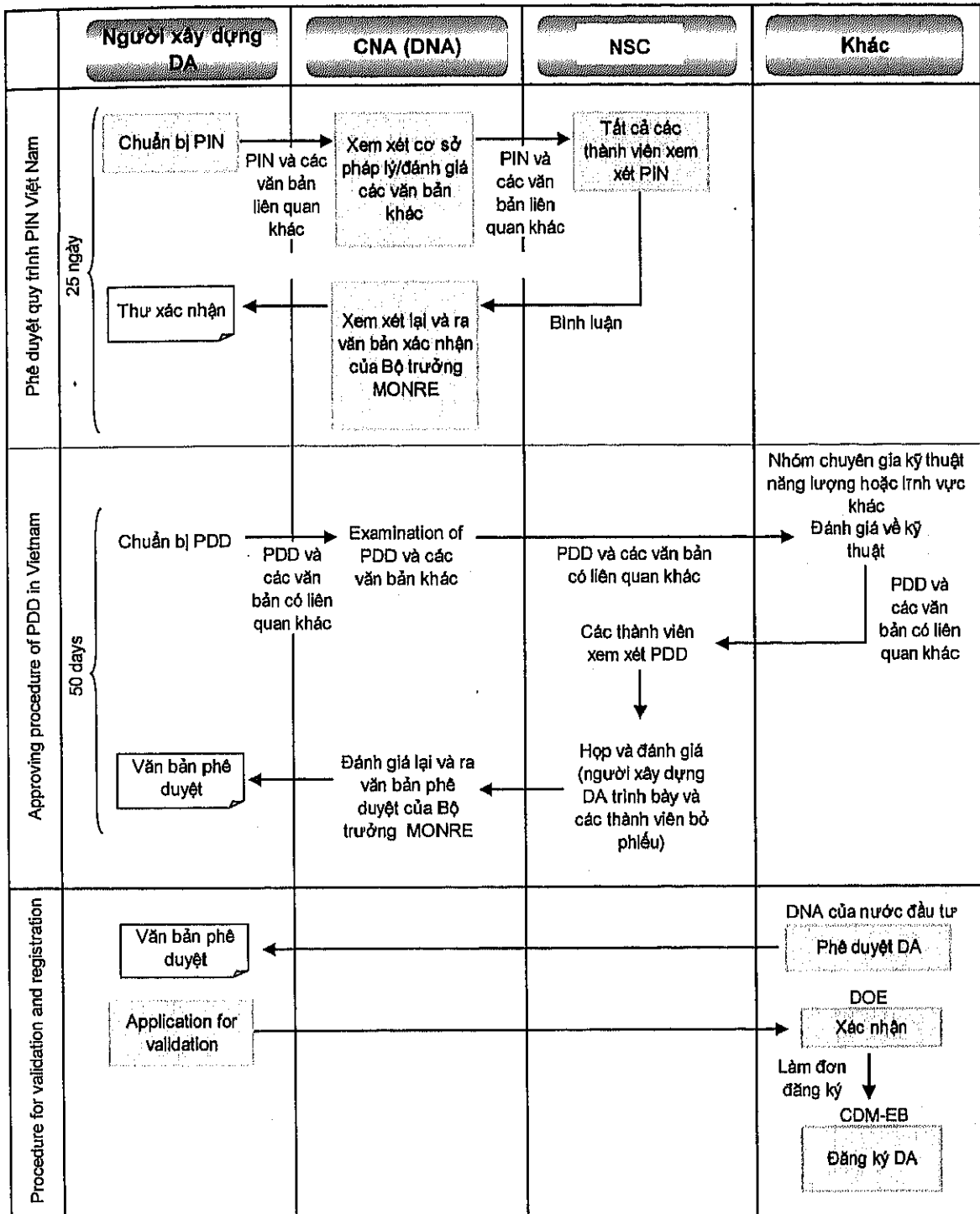
Những người tham gia dự án cần phải chuẩn bị PDD bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo đúng mẫu quy định tại thông tư. PDD cần phải được đệ trình DNA cùng với các văn bản cần thiết (giống như đối với PIN) và Báo cáo tác động môi trường, hoặc Giấy chứng nhận cam kết bảo vệ môi trường. Sau khi nhận được PDD và các tài liệu gửi kèm, DNA sẽ kiểm tra cơ sở pháp lý của tất cả các văn bản và gửi PDD cho chuyên gia kỹ thuật năng lượng hoặc chuyên gia kỹ thuật khác đánh giá về mặt kỹ thuật. Sau đó, PDD và các văn bản khác sẽ được chuyển đến các thành viên của NSC xem xét và bình luận theo các tiêu chí quốc gia. Sau khi xem xét, NSC sẽ tổ chức cuộc họp đánh giá PDD. Tại phiên họp đầu tiên của NSC, đại diện những người xây dựng dự án sẽ được mời trình bày báo cáo tóm tắt về dự án và trả lời các câu hỏi mà các thành viên NSC nêu ra. Tại phiên họp thứ hai, tất cả các thành viên của Ban sẽ có ý kiến kết luận và bỏ phiếu dự án. Dự án sẽ được phê duyệt nếu được sự ủng hộ của đa số thành viên NSC. Căn cứ kết luận của NSC, Bộ trưởng Bộ TNMT sẽ xem xét và ra văn bản phê duyệt.

---

<sup>3</sup> Theo thông tin từ DNA, nhóm chuyên gia kỹ thuật sẽ tiến hành đánh giá PIN về mặt kỹ thuật trước khi chuyển cho các thành viên CNECB mặc dù điều này không quy định trong Thông tư.

---





Hình 2.1 Quy trình phê duyệt PIN và PDD ở Việt Nam

### 2.3 Nghiên cứu chiến lược quốc gia về CDM

Chương trình nghiên cứu chiến lược quốc gia được Ngân hàng thế giới thực hiện từ 1997 - 2004 nhằm đánh giá và hỗ trợ xây dựng các chính sách quốc gia về môi trường để thực thi các cơ chế linh hoạt theo Nghị định thư Kyoto, cụ thể là CDM, JI và buôn bán phát thải. Nghiên cứu ở Việt Nam được Australia trợ giúp và kết thúc trong năm 2003. Tuy nhiên, báo cáo chưa được công bố.

Nghiên cứu chiến lược quốc gia Việt Nam (NSS) chỉ ra các chức năng của CDM, đóng góp của nó cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và giảm thiểu sự nóng lên trên toàn cầu, tìm kiếm và thực thi các dự án CDM ở Việt Nam, và xây dựng phương pháp để tăng cường phát triển các dự án.

Báo cáo NSS có 5 chương như sau:

Chương 1: Cơ chế phát triển sạch: Lý thuyết, thực tiễn và thực trạng

Chương 2: Phát thải khí nhà kính: Khả năng Việt nam phải đối phó và chi phí

Chương 3: Phát thải khí nhà kính: Các cơ hội thị trường

Chương 4: Các tiền đề trong nước

Chương 5: Các dự án CDM ở Việt Nam

Liên quan đến AR-CDM, NSS cho rằng:

- (a) AR-CDM sẽ đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển bền vững của Việt Nam (mặc dù đóng góp cho sự phát triển thương mại là thấp).
- (b) Do khả năng đóng góp về thương mại thấp, dường như các nhà đầu tư thương mại nước ngoài sẽ không cung cấp kinh phí để thực thi AR-CDM.
- (c) Đầu tư trực tiếp từ Chính phủ hoặc các nhà tài trợ quốc tế có thể cần để thực thi AR-CDM và các dự án này có thể là các dự án CDM đơn phương.

NSS cũng trình bày các khuyến nghị về thu hút đầu tư của tư nhân, đáng chú ý là:

- (a) Khuyến khích thực thi sớm các dự án CDM tiên phong, vừa làm vừa học, hoàn thiện theo thời gian
- (b) Cung cấp các hướng dẫn cho các nhà xây dựng dự án thông qua văn phòng CDM “một cửa” về quá trình phê duyệt CDM
- (c) Đóng góp ước tính các đường cơ sở của ngành
- (d) Phê duyệt tất cả các dự án giảm phát thải GHG và xúc tiến tính bền vững địa phương theo CDM và các quy định của Việt Nam
- (e) Khuyến khích tất cả các mô hình tài chính dự án<sup>4</sup>

---

<sup>4</sup> Bao gồm không những chỉ đầu tư tư nhân mà còn bao gồm đầu tư từ chính phủ và các nhà tài trợ cũng như kết hợp của 2 loại hình này.

---

## **2.4 Chính sách và Kế hoạch của Chính phủ liên quan đến CDM**

### **2.4.1 Xây dựng kế hoạch thực thi Nghị định thư Kyoto**

Chỉ thị số 35/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 17/10/2005 yêu cầu các Bộ có liên quan xây dựng các kế hoạch và chính sách thực thi có hiệu quả Nghị định thư Kyoto (KP). Các chỉ ý kiến chỉ đạo trong Chỉ thị này bao gồm:

- (a) Bộ TNMT sẽ hợp tác với Bộ KHĐT, Bộ Ngoại giao và các bộ, các cơ quan liên quan khác để xây dựng kế hoạch thực hiện KP giai đoạn 2006 - 2010 với các lĩnh vực ưu tiên cụ thể phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia 2006-2010.
- (b) Bộ TNMT sẽ hợp tác với Bộ Tài chính, Bộ KHĐT và các bộ, cơ quan liên quan khác tiến hành nghiên cứu và dự báo thị trường thương mại CER (Giảm phát thải được chứng nhận) và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp xây dựng các dự án CDM ở Việt Nam.
- (c) Bộ TNMT cùng với các bộ có liên quan khác sẽ lồng ghép CDM vào các hoạt động theo các công ước quốc tế và cam kết khác về môi trường mà Việt Nam đã ký kết hoặc là một bên tham gia.
- (d) Bộ Văn hoá Thông tin hợp tác với Bộ TNMT và các cơ quan thông tin đại chúng tiến hành tuyên truyền và nâng cao nhận thức của công chúng về thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra và về trách nhiệm và cơ hội thực thi KP và các dự án CDM.
- (e) Bộ Tư pháp hợp tác với Bộ TNMT, Bộ Ngoại giao, các cơ quan khác và các chính quyền địa phương đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan và trình các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để xúc tiến và tạo điều kiện thực thi KP.
- (f) Bộ Tài chính hợp tác với Bộ KHĐT, Bộ TNMT và các bộ và cơ quan khác xây dựng đề án về các cơ chế tài chính cho các dự án CDM trong đó sẽ quy định về những khuyến khích về thuế, lợi nhuận và hỗ trợ tín dụng từ Chính phủ cho các tổ chức trong và ngoài nước, các tổ chức tư nhân có đầu tư vào các dự án CDM tại Việt Nam.
- (g) Bộ KHĐT hợp tác với Bộ TNMT, Bộ Công nghiệp, Bộ Xây dựng, Bộ Thương mại, Bộ NN&PTNT và các bộ, cơ quan khác xây dựng kế hoạch thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho các dự án CDM trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, quản lý phế thải, giao thông, nông nghiệp và lâm nghiệp.
- (h) Các bộ, các cơ quan ngang bộ và chính phủ, uỷ ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, theo thẩm quyền của mình, sẽ lồng ghép mạnh mẽ các hoạt động CDM vào các kế hoạch phát triển của ngành và của địa phương.

Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ xác định thời hạn cuối cùng cho việc trình các kế hoạch và chính sách như đã nêu ở trên là cuối năm 2005 hoặc 2006.

### **2.4.2 Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu giai đoạn 2007-2010**

Ngày 6 tháng 4 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 47/2007/QĐ-TTg trong đó quyết định nhiệm vụ thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu giai đoạn 2007-2010:

- (1) Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.
- (2) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, hoàn thiện tổ chức, và tăng cường cơ sở vật chất thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.
- (3) Đẩy mạnh các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.
- (4) Nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.
- (5) Xây dựng, tổ chức các hoạt động thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM trong các ngành nhằm bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội.

Danh mục các nhiệm vụ, hoạt động của kế hoạch được liệt kê dưới đây. Bộ TNMT được chỉ định là cơ quan chủ trì phối hợp với các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố có liên quan và các tổ chức khác để thực hiện kế hoạch.

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, hoạt động</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I. Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Công ước khí hậu), Nghị định thư Kyoto và Cơ chế phát triển sạch (CDM)</b>				
1	Xây dựng, bổ sung, sửa đổi các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto và CDM.	Bộ TN & MT	Các bộ: TP, NG, các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố có liên quan	2007 - 2010
2	Xây dựng cơ chế chính sách xã hội hoá nhằm khuyến khích, hỗ trợ các dự án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các dự án của các tổ chức xã hội ở trung ương và địa phương nhằm thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto để bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Bộ TN & MT	Các bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
3	Xây dựng kế hoạch thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho các dự án CDM, các dự án hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trong các lĩnh vực: quản lý chất thải, năng lượng, công nghiệp, lâm nghiệp và giao thông vận tải.	Bộ KH & ĐT	Các bộ: TN & MT, KH & CN và các bộ ngành có liên quan	2007 - 2010

TT	Tên nhiệm vụ, hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Xây dựng cơ chế lồng ghép các hoạt động thực hiện các dự án CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto với các hoạt động thực hiện các điều ước quốc tế khác về môi trường vào các chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các ngành và địa phương.	Bộ KH & ĐT	Bộ TN & MT, Bộ NG và các Bộ, ngành có liên quan	2007-2010
5	Xây dựng cơ chế tài chính cho dự án CDM, dự án thực hiện công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto.	Bộ TC	Các Bộ: KH & ĐT, KH & CN, TN & MT và các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
<b>II. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, hoàn thiện tổ chức và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.</b>				
6	Nâng cao nhận thức cộng đồng về Chỉ thị số 35/2005/CT-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ và về thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.	Bộ TN & MT	Bộ VH-TT, Đài TH VN, Đài TN VN	2007 - 2010
7	Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch giáo dục, đào tạo nhân lực phục vụ nhiệm vụ thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM	Bộ GD&ĐT	Các Bộ: TNMT, LĐ-TB&XH, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2007 - 2010
8	Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về thủ tục, trình tự xây dựng, phê duyệt và thực hiện các dự án CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto cho các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội ở trung ương và địa phương có liên quan	Bộ TN&MT	Các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố, các tổ chức, đơn vị có liên quan	2007-2010
9	Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật hệ thống trạm quan trắc khí hậu, tổ chức đánh giá, tiếp thu công nghệ hiện đại thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.	Bộ TN&MT	Bộ KH & CN và các Bộ ngành, địa phương có liên quan	2007 - 2010
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trên cơ sở Ban Tư vấn chỉ đạo CDM hiện có để thực hiện chức năng giúp cơ quan đầu mối chỉ đạo, quản lý và điều phối các hoạt động thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM tại Việt Nam.	Bộ TN&MT	Các Bộ, ngành có liên quan	2007

TT	Tên nhiệm vụ, hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>III. Đẩy mạnh các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM</b>				
11	Điều tra cơ bản tình hình biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính.	Bộ TN&MT	Bộ KH & CN, các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
12	Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, xây dựng các biện pháp ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, nghiên cứu xây dựng các hệ số phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực hoạt động của dự án CDM.	Bộ TN&MT	Bộ KH & CN, các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
13	Nghiên cứu thực trạng, dự báo thị trường thế giới, kiến nghị các giải pháp để tham gia có hiệu quả vào thị trường thế giới về buôn bán "lượng giảm phát thải được chứng nhận – CERS".	Bộ TN&MT	Bộ KH & CN, Bộ TC, Bộ KH & ĐT, Bộ TM và các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
<b>IV. Nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM</b>				
14	Củng cố và hoàn thiện cơ quan đầu mối thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM	Bộ TN&MT	Bộ NG và các Bộ, ngành có liên quan	2007
15	Xây dựng thông báo quốc gia của Việt Nam về biến đổi khí hậu.	Bộ TN&MT	Các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2009
16	Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức tài chính quốc tế và các nước công nghiệp phát triển có nhu cầu buôn bán "lượng giảm phát thải được chứng nhận – CERS".	Bộ TN&MT	Các Bộ: NG, KH & ĐT, TM ...	2007 - 2010
17	Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức khoa học công nghệ quốc tế nhằm thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM.	Bộ TN&MT	Bộ NG, Bộ KH & ĐT và các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố có liên quan	2007 - 2010
<b>V. Xây dựng, tổ chức các hoạt động thực hiện Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto và CDM trong các ngành phục vụ nhiệm vụ bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội.</b>				
18	Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp.	Bộ Công nghiệp	Bộ TN & MT, Bộ KH & CN và các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
19	Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trong lĩnh vực xây dựng	Bộ Xây dựng	Bộ TN & MT, Bộ KH & CN và các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
20	Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.	Bộ NN & PTNT	Bộ TN & MT, Bộ KH & CN và các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
21	Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trong lĩnh vực giao thông vận tải.	Bộ GTVT	Bộ TN & MT, Bộ KH & CN và các Bộ, ngành có liên quan	2007 - 2010
22	Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án	Bộ TN & MT	Bộ KH & ĐT và	2007 -

TT	Tên nhiệm vụ, hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	CDM, các dự án thực hiện Công ước khí hậu và Nghị định thư Kyoto trong lĩnh vực quản lý chất thải.	và các tổ chức xã hội, UBND các tỉnh, thành phố có liên quan	các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố có liên quan	2010

### 2.4.3 Cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch

Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 2/08/2007 của Thủ tướng chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch do Bộ Tài chính xây dựng theo Quyết định số 35/2005/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ. Quyết định quy định (a) quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư CDM, (b) quản lý và sử dụng CERs, (c) lệ phí bán CERs, (d) quy định hạch toán các dự án CDM và một số điều khác.

#### (1) Quyền sở hữu CERs và việc theo dõi giám sát CERs

Theo quyết định này, các nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM có quyền sở hữu CERs đạt được và được hưởng các chính sách ưu tiên về thuế thu nhập, thuế sử dụng đất, khấu hao tài sản cố định, v.v. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (VEPF) được giao nhiệm vụ giám sát và quản lý CERs được cấp cho các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam. Chủ sở hữu CERs sẽ đăng ký với VEPF khi tiếp nhận, chia và bán CERs và báo cáo DNA.

#### (2) Lệ phí bán CERs

Nhà đầu tư thực hiện dự án CDM khi bán CERs phải nộp lệ phí bán CERs. Lệ phí bán CERs được tính bằng tỷ lệ % trên số tiền bán CERs mà nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM thu được. Bộ Tài chính quy định cụ thể mức thu lệ phí bán CERs. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thu lệ phí bán CERs. Lệ phí bán CERs được sử dụng để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí; chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về CDM; lập, xây dựng phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM và các mục đích khác có liên quan đến CDM theo quy định của pháp luật..

#### (3) Các chính sách khác

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án CDM được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Đầu tư; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trong hạch toán, thu nhập từ bán CERs được phân bổ cho thời gian tương ứng với thời gian có hiệu lực còn lại của CERs.
- Tài sản cố định hình thành từ dự án CDM được áp dụng phương thức khấu hao nhanh.

- Dự án CDM được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu (a) để tạo tài sản cố định của dự án, (b) hàng hoá nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án.

## 2.5 Kinh nghiệm về CDM trong ngành năng lượng

Trong số 16 dự án CDM đã được DNA Việt Nam phê duyệt dựa vào PDD, chỉ có 2 dự án đã được đăng ký với UNFCCC từ tháng 12/2007. Lý do đằng sau quá trình chậm chễ này được cho là sự thiếu hụt các nguồn lực cần thiết để xây dựng phát triển các dự án CDM.

### 2.5.1 Nguồn tài chính thiếu hụt

Cơ chế Kyoto CDM được thiết kế để kêu gọi đầu tư từ các nước trong Phụ lục I cùng với chuyển giao công nghệ. Các nhà xây dựng dự án được mong đợi là sẽ đưa dự án đến một mức độ có thể bán được cho các nhà đầu tư tiềm năng tại các nước trong Phụ lục I. Theo phân tích của Trung tâm Môi trường toàn cầu (GEC), cần ít nhất từ 3.000\$ đến trên 100.000\$ để có thể xây dựng được dự thảo PIN<sup>5</sup> cho một dự án CDM quy mô thông thường. Ngoài ra, dự án còn phải trả các chi phí khác như xây dựng PDD, thẩm định và đăng ký cần thiết.

Có một Văn bản thoả thuận đã được ký kết giữa Việt Nam và Áo năm 2005 về xây dựng dự án CDM. Hai PIN đã được phát triển nhưng các dự án đều bị đình trệ lại tại giai đoạn xác định do thiếu kinh phí. DNA Việt Nam đã phê duyệt 16 dự án khác trong đó đánh dấu nỗ lực của phía Nhật Bản trong việc tiến hành các nghiên cứu khả thi cho 15 dự án. Một nhà tư vấn môi trường đã bình luận rằng những dự án này đang đối mặt với những trở ngại nghiêm trọng về mặt tài chính.

Để tháo gỡ khó khăn này, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 2/08/2007 quy định một số cơ chế và chính sách tài chính áp dụng cho các dự án đầu tư CDM. Quyết định nêu rõ kế hoạch thu lệ phí “bán CERs” tại thời điểm bán CER cho các bên nước ngoài<sup>6</sup>. Mục đích của việc thu lệ phí này để tăng cường năng lực quản lý hành chính của chính phủ đối với CDM và xúc tiến phát triển dự án. Mặc dù Quyết định này cũng đề cập đến vấn đề miễn, giảm thuế cho các dự án CDM nhưng có ý kiến cho rằng hệ thống thu lệ phí đề xuất này có thể sẽ hạn chế các nhà xây dựng dự án trong và ngoài nước quan tâm đến phát triển CDM tại Việt Nam.

### 2.5.2 Kỹ năng và hiểu biết về CDM chưa đầy đủ

Nhận thức về vấn đề nóng lên toàn cầu đang được cải thiện tại Việt Nam, tuy nhiên không phải bất kỳ bộ phận nào của ngành công nghiệp cũng hiểu đúng về CDM. Kỹ năng và kiến thức về CDM không đầy đủ có mối liên hệ chặt chẽ với vấn đề thiếu hụt nguồn tài chính. Tài chính không đầy đủ làm giảm cơ hội tiếp cận các nhà xây dựng dự án CDM hoặc phổ biến thông tin về CDM.

Các tổ chức quốc tế như Ngân hàng phát triển Châu Á, UNEP, và EU đã triển khai thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho DNA và các ngành có liên quan phù hợp với các dự án CDM, ví dụ như ngành công nghiệp năng lượng tái tạo hoặc tăng cường sử dụng hiệu quả năng lượng. Nhật

<sup>5</sup> Trang 25, Cẩm năng phát triển dự án CDM/JI, Trung tâm môi trường toàn cầu, T8/2006

<sup>6</sup> Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc “Một số cơ chế và chính sách áp dụng cho các dự án đầu tư CDM”. Bộ Tài chính dự kiến ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết lệ phí bán CER vào cuối năm 2007, tuy nhiên tại thời điểm viết báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn nào được ban hành.



Bản cũng tiến hành một chương trình nghiên cứu khả thi như đã nêu trên mặc dù những nỗ lực này chưa được đền bù.

### **2.5.3 Nguồn nhân lực thiếu hụt**

Kỹ năng và hiểu biết không đầy đủ về CDM gây cản trở việc phát triển nhân lực xúc tiến xây dựng dự án tại Việt Nam. Vấn đề này được quan sát dưới hai góc độ. Một là chức năng quản lý hành chính của chính phủ và hai là thuộc về các ngành tư nhân. Đã có dấu hiệu chuyển biến tích cực đó là việc thành lập đơn vị tư vấn môi trường tại các thành phố lớn. Tuy nhiên, dịch vụ có thu này phải đối mặt với những khó khăn về tài chính của các dự án. Nếu không có sự phát triển tích cực của các dự án CDM, thật khó có thể thực hiện được chủ trương tăng cường chức năng quản lý hành chính của chính phủ đối với CDM.



## CHƯƠNG 3      NÂNG CAO NHẬN THỨC XÚC TIẾN AR-CDM

### 3.1      Các hội nghị tập huấn dành cho đối tác

Nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực của đối tác trong việc xây dựng và xúc tiến AR-CDM. Trong năm thứ nhất và thứ hai, Đoàn Nghiên cứu JICA đã tổ chức ba hội nghị tập huấn dành cho đối tác, qua đó cung cấp kiến thức cơ bản và thực tiễn về xây dựng dự án AR-CDM và chia sẻ kinh nghiệm xây dựng dự án AR-CDM trên hiện trường.

Hội nghị tập huấn lần 1	Thời gian:	7-8/12/2006
	Địa điểm	Phòng họp, Trường Đại học Lâm nghiệp
	Thành phần:	25 đại biểu
	Chủ đề:  (1) Giới thiệu về CDM (2) Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM (3) Quy trình thực hiện AR-CDM (1): Xây dựng kế hoạch ~ chuẩn bị PDD (4) Các phương pháp đường cơ sở và giám sát (5) Quy trình thực hiện AR-CDM (2): Thẩm định ~ Buôn bán phát thải bao gồm chứng chỉ rừng (6) Các vấn đề của AR-CDM và các biện pháp xúc tiến  Đoàn Nghiên cứu đã đề nghị các đại biểu điền thông tin vào bảng hỏi để đánh giá trình độ kiến thức của họ về AR-CDM trước hội thảo và đưa ra ý kiến đánh giá hội thảo. Kết quả điều tra được trình bày trong phần Section 3.2.	
Hội nghị tập huấn lần	Thời gian:	31/1/2007
	Địa điểm	Phòng họp, Trường Đại học Lâm nghiệp
	Thành phần:	25 đại biểu
	Chủ đề:  (1) Chọn địa điểm (2) Phân tầng và đo đếm sinh khối đường cơ sở (3) Ý tưởng sơ bộ về tầm nhìn và các kế hoạch hành động xúc tiến AR-CDM	
Hội nghị tập huấn lần	Thời gian:	9/11/2007
	Địa điểm	Phòng họp, Trường Đại học Lâm nghiệp
	Thành phần:	25 đại biểu
	Chủ đề:	

	<ol style="list-style-type: none"><li>(1) Xây dựng dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ</li><li>(2) Điều tra tính thích hợp của đất</li><li>(3) Xây dựng văn kiện thiết kế dự án (PDD)</li><li>(4) Hướng dẫn chuẩn bị PDD và làm rõ quá trình thực hiện AR-CDM</li><li>(5) AR-CDM và những dự đoán những vấn đề trong tương lai có liên quan</li><li>(6) Xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam</li></ol> <p>Đoàn Nghiên cứu đã đề nghị các đại biểu trả lời bảng hỏi để có cơ sở đánh giá sự cải thiện kiến thức về AR-CDM sau Nghiên cứu của các đại biểu. Kết quả được trình bày trong phần 3.2.</p>
--	---

Tài liệu trình bày trong các hội nghị tập huấn này được sử dụng cho Sách hướng dẫn về AR-CDM.

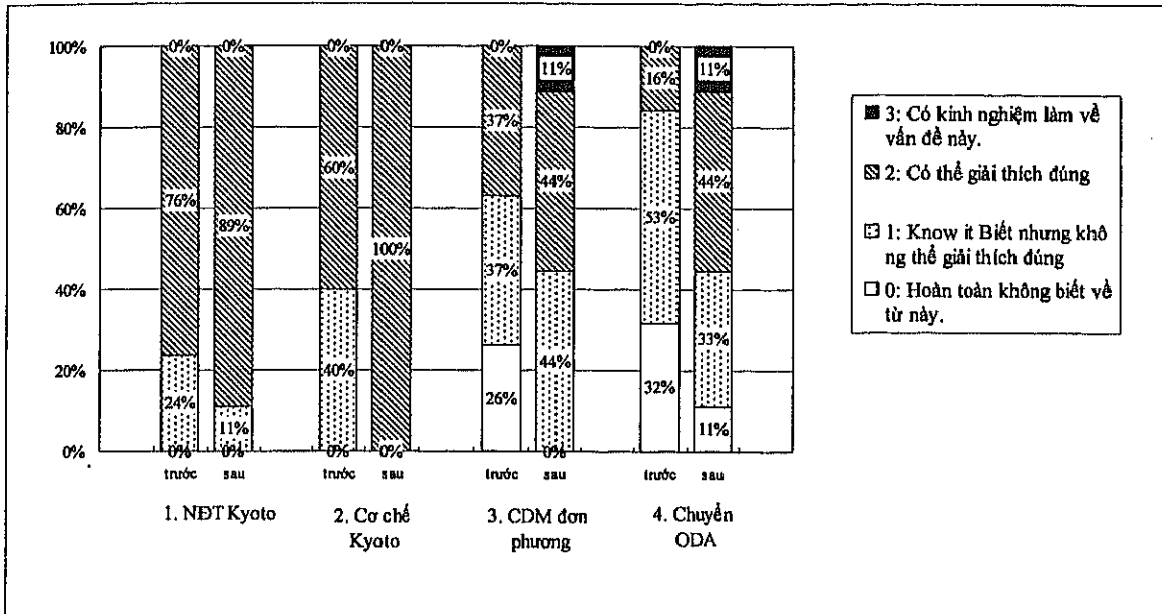
### 3.2 Nâng cao kiến thức về AR-CDM cho đối tác

Đoàn Nghiên cứu đã đề nghị đại biểu tham dự các hội nghị tập huấn lần thứ 1 và thứ 3 trả lời bảng hỏi để đánh giá trình độ kiến thức của họ về những thuật ngữ và hoạt động chính liên quan đến AR-CDM theo 4 mức độ:

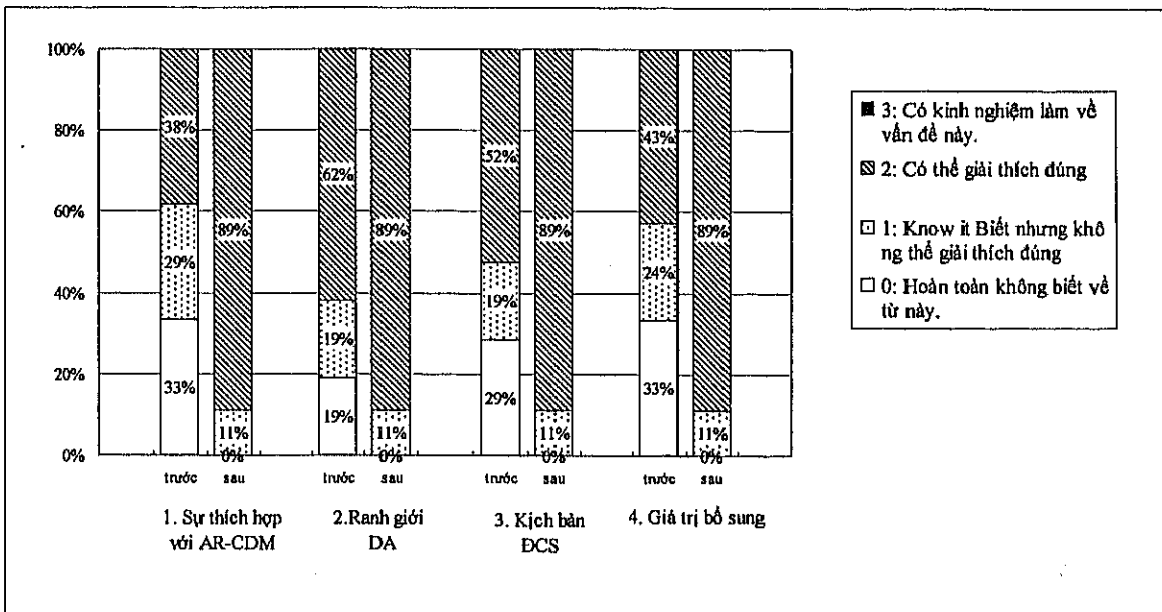
- 0: Hoàn toàn không biết
- 1: Biết nhưng không thể giải thích đúng
- 2: Có thể giải thích đúng
- 3: Có kinh nghiệm làm việc về vấn đề này

Mục tiêu của việc điều tra này là nhằm đánh giá sự cải thiện kiến thức về AR-CDM của đối tác bằng cách so sánh mức độ kiến thức của họ trước và sau Nghiên cứu. Bảng hỏi được sử dụng trong các hội nghị tập huấn lần thứ 1 và thứ 3 được trình bày trong Phụ lục 3. Kết quả so sánh trình độ kiến thức trước và sau Nghiên cứu được thể hiện ở Hình 3.1 đến 3.8.

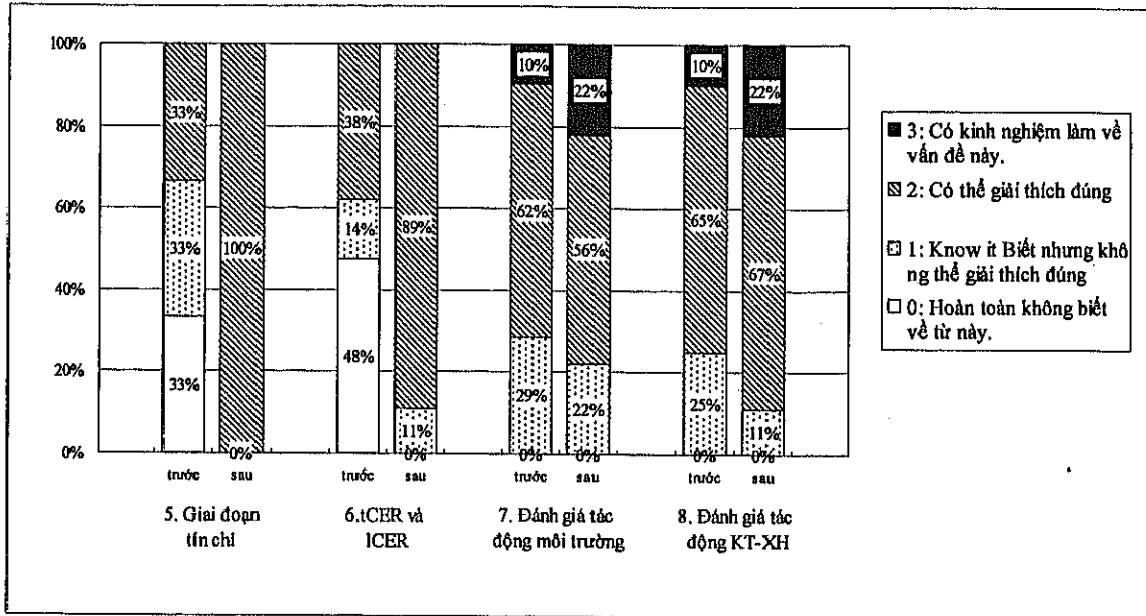
Kết quả điều tra cho thấy rất nhiều cán bộ đối tác có thể hiểu những thuật ngữ chính liên quan đến AR-CDM trong một số chừng mức nào đó trước Nghiên cứu này của JICA vì họ cũng đã từng tham dự các hội thảo và hội nghị về CDM do các nhà tài trợ khác tổ chức. Điều tra cũng chỉ ra rằng kiến thức và mức độ hiểu biết về những thuật ngữ này của cán bộ đối tác đã tăng lên đáng kể sau Nghiên cứu - những người trả lời họ có thể giải thích những thuật ngữ chính về AR-CDM hoặc kinh nghiệm làm việc đối với một số hoạt động liên quan đến AR-CDM đã tăng lên trong hội nghị đào tạo thứ 3. Cũng có những đại biểu trả lời họ không thể giải thích những thuật ngữ chính hoặc không hiểu gì cả trong hội nghị đào tạo thứ 3. Tuy nhiên đây là đại biểu đến từ các cơ quan đối tác, không phải là đối tác chính hợp tác chặt chẽ với Đoàn Nghiên cứu trong quá trình thực hiện Nghiên cứu.



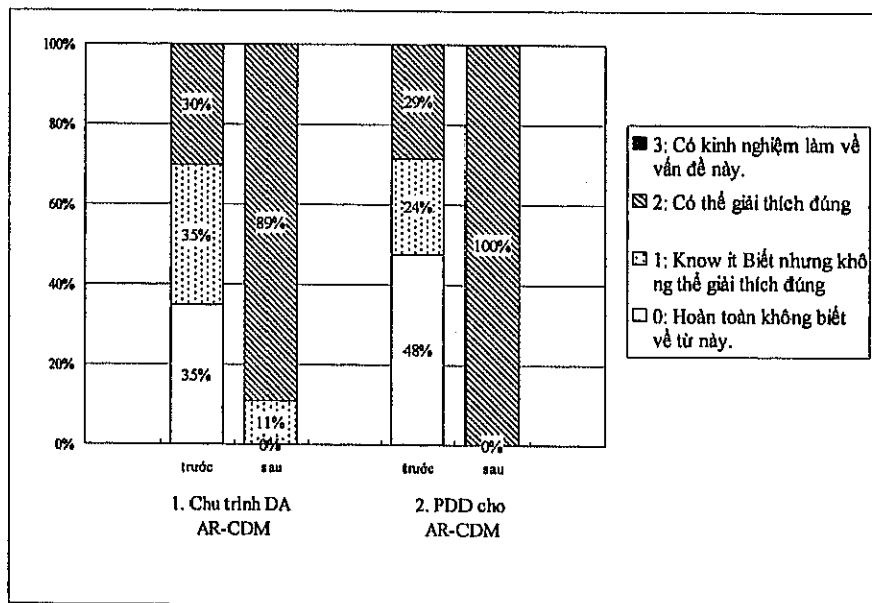
Hình 3.1 Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Giới thiệu về CDM)



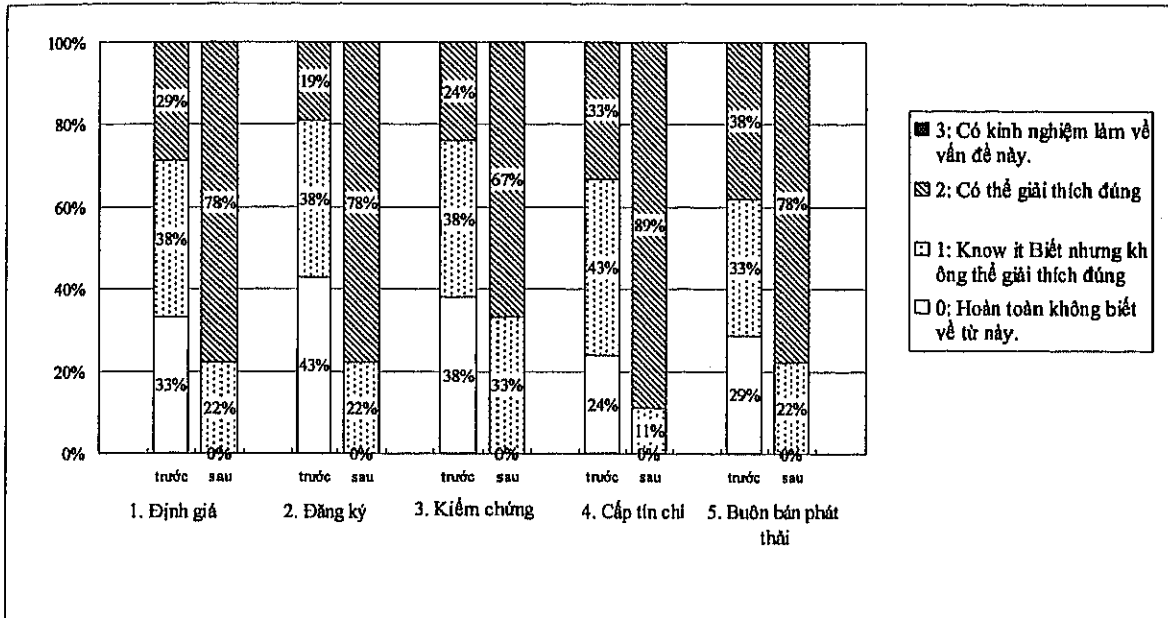
Hình 3.2 Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM [1])



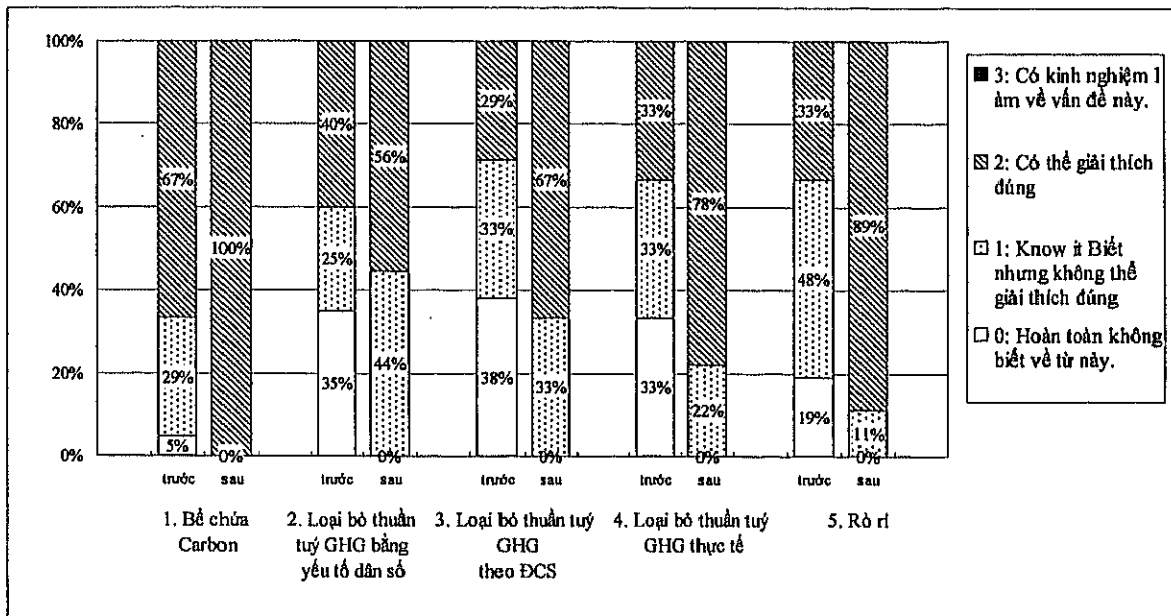
Hình 3.3 Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM [2])



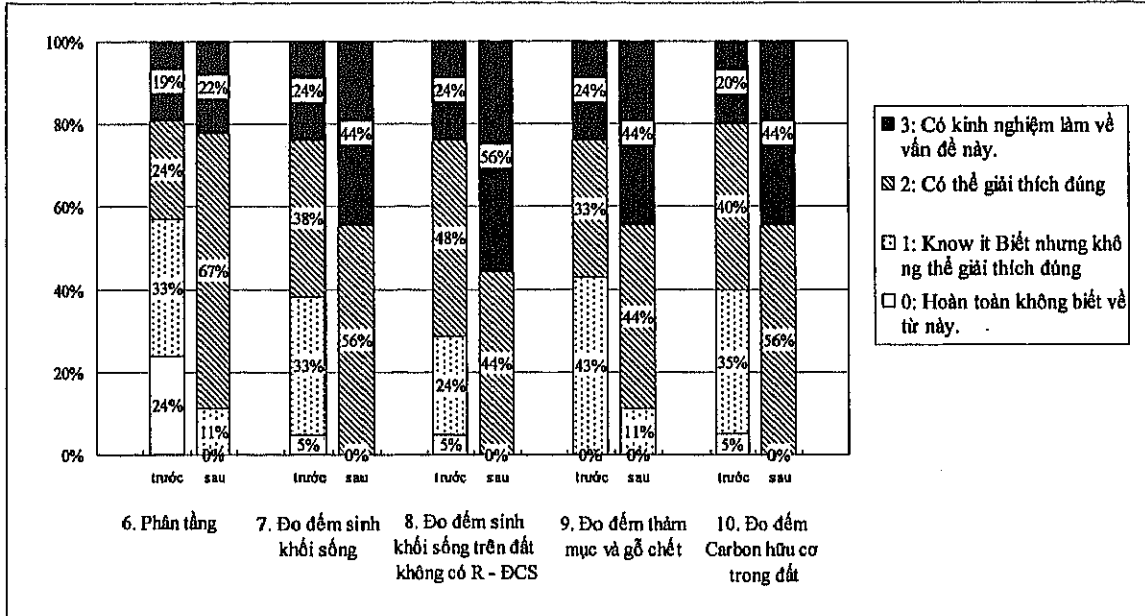
Hình 3.4 Kết quả điều tra bảng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Quy trình thực hiện AR-CDM [1])



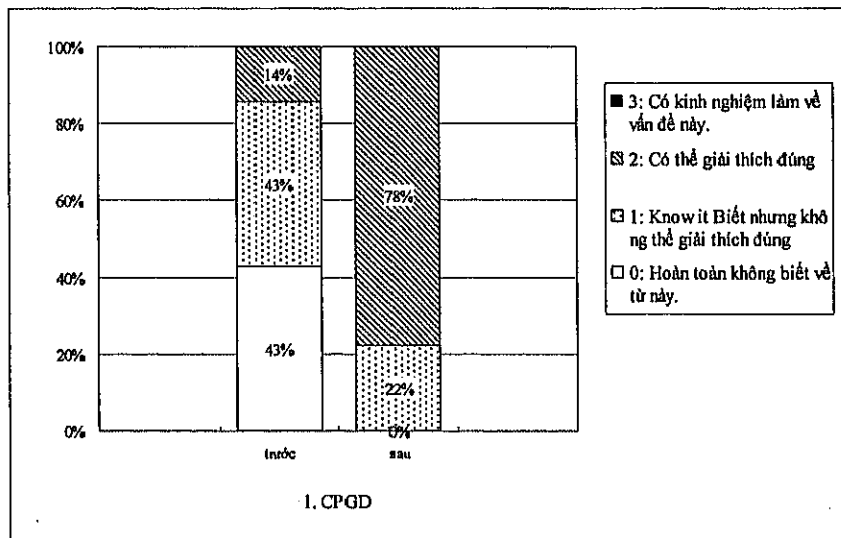
Hình 3.5 Kết quả điều tra bằng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Quy trình thực hiện AR-CDM [2])



Hình 3.6 Kết quả điều tra bằng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các phương pháp đường cơ sở và giám sát [1])



Hình 3.7 Kết quả điều tra bằng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Các phương pháp đường cơ sở và giám sát [2])



Hình 3.8 Kết quả điều tra bằng hỏi trình độ kiến thức của các đối tác (Chi phí giao dịch AR-CDM)

### 3.3 Hội thảo về AR-CDM dành cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM tiềm năng

Đoàn Nghiên cứu và đối tác đã tổ chức các hội thảo về AR-CDM cho các nhà xây dựng và đầu tư AR-CDM tiềm năng tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Huế trong tháng 11/2007 nhằm giới thiệu dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ do Đoàn Nghiên cứu và tổ công tác đối ứng xây dựng và những thành quả cũng như vấn đề tồn tại liên quan đến AR-CDM ở Việt Nam. Ngoài AR-CDM, Đoàn Nghiên cứu cũng đã giới thiệu vấn đề đền bù cacbon (carbon offset), một cơ chế tương tự như AR-CDM, và chứng chỉ rừng - cơ chế giá trị gia tăng. Đến dự các hội thảo này là các nhà nghiên cứu lâm nghiệp ở các khoa lâm nghiệp, Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học



Nông lâm Huế và đại diện các Sở Nông nghiệp & PTNT, các công ty lâm nghiệp trên địa bàn lân cận.

Hội thảo lần 1	Thời gian:	19/2007
	Địa điểm	Khách sạn Guoman, Hà Nội
	Thành phần:	25 đại biểu từ Bộ TNMT, các Sở NN&PTNT, Tổng Công ty lâm nghiệp (VINAFOR), các công ty lâm nghiệp
	Chủ đề:	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) CDM và chu trình CDM</li> <li>(2) Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM</li> <li>(3) Giới thiệu dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ huyện Cao Phong</li> <li>(4) AR-CDM và những dự đoán xu hướng phát triển trong tương lai có liên quan</li> <li>(5) Xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam</li> </ul>
Hội thảo lần 2	Thời gian:	21/11/2007
	Địa điểm	Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh
	Thành phần:	22 đại biểu là các nhà nghiên cứu, giảng viên Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Nông lâm và đại diện các Sở NN&PTNT, các công ty lâm nghiệp
	Chủ đề:	tương tự như tại hội thảo lần 1
Hội thảo lần 3	Thời gian:	23/11/2007
	Địa điểm	Đại học Nông lâm Huế
	Thành phần:	20 đại biểu là các nhà nghiên cứu, giảng viên Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Nông lâm và đại diện các Sở NN&PTNT, các công ty lâm nghiệp
	Chủ đề:	tương tự như tại hội thảo lần 1

### 3.4 Hội thảo về AR-CDM dành cho các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ

Đoàn Nghiên cứu và tổ công tác đối ứng dự kiến tổ chức hội thảo ½ ngày tại Hà Nội vào ngày 21/2/2008 với sự tham dự của các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ quốc tế nhằm thúc đẩy xúc tiến AR-CDM quy mô nhỏ tại Việt Nam thông qua giới thiệu dự án thí điểm do Nghiên cứu xây dựng. Đại diện các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ chính có văn phòng đại diện tại Hà Nội và có hoạt động liên quan đến ngành lâm nghiệp sẽ được mời tham dự.



## CHƯƠNG 4 THIẾT LẬP HỆ THỐNG XÚC TIẾN AR-CDM

### 4.1 Hệ thống xúc tiến AR-CDM

Nghiên cứu dự kiến thiết lập một hệ thống xúc tiến AR-CDM tương tác bao gồm một văn phòng trợ giúp và một trang thông tin điện tử (web) về AR-CDM. Hệ thống này sẽ cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn cho các nhà xây dựng và đầu tư dự án góp phần xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam. Đoàn Nghiên cứu đã hỗ trợ thành lập văn phòng trợ giúp và trang web về AR-CDM. Ngoài ra, Đoàn Nghiên cứu cũng đã chuẩn bị nội dung Sách hướng dẫn và sách mỏng làm tài liệu tham khảo cho các nhà đầu tư và xây dựng dự án.

### 4.2 Trang web về AR-CDM

#### 4.2.1 Xây dựng trang web về AR-CDM

Trang web là một công cụ tiện ích với mức chi phí hợp lý không chỉ phục vụ phổ biến thông tin mà còn là nơi trao đổi thông tin giữa những người truy cập trang web. Trang web về AR-CDM được thiết kế nhằm hướng tới các nhà xây dựng và đầu tư dự án tiềm năng cũng như những cá nhân tổ chức quan tâm đến AR-CDM tại Việt Nam. Chính vì vậy, trang web chứa rất nhiều thông tin và được chia thành nhiều nhóm thông tin.

#### (1) Nội dung của trang web về AR-CDM

Nội dung của trang web AR-CDM được trình bày trong **Bảng 4.1**. Trong quá trình thiết kế trang web, những khía cạnh sau đây xem xét:

- Trang web sẽ cung cấp thông tin bằng cả Tiếng Anh và Tiếng Việt, nhằm phục vụ không chỉ người Việt Nam mà còn người nước ngoài trên toàn thế giới.
- Những thông tin cơ bản về AR-CDM dành cho những người mới làm quen với AR-CDM được cung cấp trong mục "Thông tin cơ bản về CDM" and "Những nội dung cơ bản của AR-CDM." Trong khi đó, những thông tin kỹ thuật và thực tế về phát triển dự án AR-CDM tại Việt Nam mà những nhà xây dựng và đầu tư dự án quan tâm được cung cấp tại mục "Phát triển AR-CDM tại Việt Nam".
- Phiên bản cuối cùng về phương pháp đường cơ sở và giám sát được phê duyệt cho AR-CDM quy mô nhỏ (AR-AMS0001) và Hướng dẫn chuẩn bị PDD cho AR-CDM quy mô nhỏ (F-CDM-SSC-AR-Subm) sẽ được dịch sang Tiếng Việt và đăng tải trên trang web và bạn đọc có thể truy cập và tải thông tin này về máy tính. Các tài liệu này sẽ được cập nhật khi cần thiết khi tài liệu gốc được UNFCCC cập nhật.
- Các văn bản về chính sách và quy chế của Việt Nam về CDM sẽ được dịch sang Tiếng Anh và đăng tải trên trang web. Bạn đọc là người nước ngoài có thể tải các văn bản này bằng Tiếng Anh trên trang web để tham khảo.

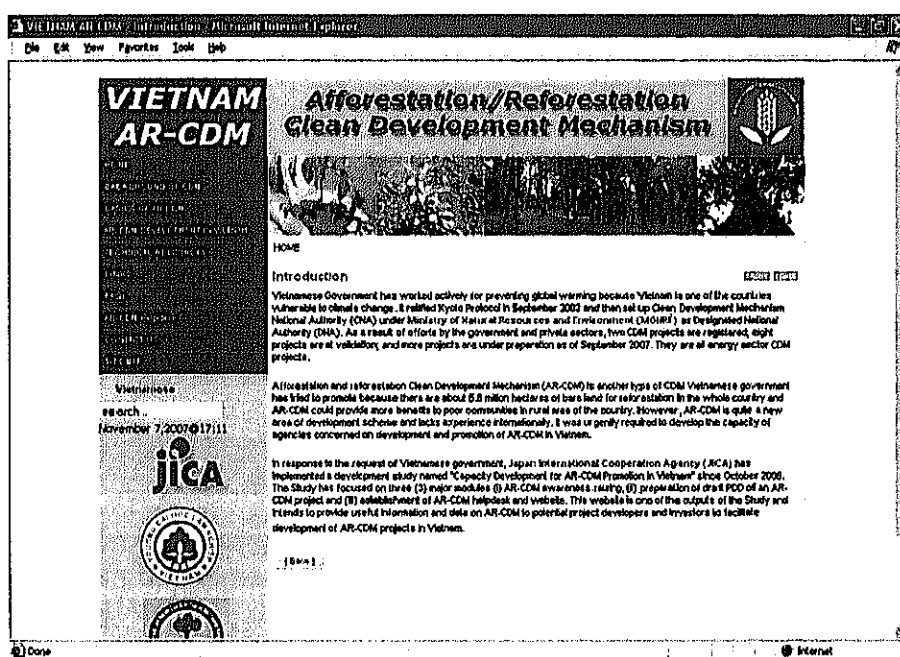
- Cung cấp một hình ảnh cụ thể về dự án AR-CDM tại Việt Nam, thông tin về Dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cũng sẽ được đăng tải trên trang web.

**Hình 4.1 Nội dung và cấu trúc của trang web AR-CDM**

Mục	Tiểu mục	Nội dung
TRANG ĐẦU	Giới thiệu	-
THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CDM	-	Hiện tượng nóng lên toàn cầu
	-	Các biện pháp chống lại hiện tượng nóng lên toàn cầu
	-	UNFCCC
	-	Nghị định thư Kyoto
NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ AR-CDM	AR-CDM là gì?	AR-CDM là gì?
	Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM	Tính phù hợp của AR-CDM
		Ranh giới dự án
		Kịch bản đường cơ sở
		Giá trị bổ sung
		Thời hạn tín chỉ
		Giám phát thải được chứng nhận (CER)
		Loại bỏ KNK
		Đánh giá tác động môi trường và kinh tế xã hội
		Bình luận của các bên liên quan
	AR-CDM quy mô nhỏ	-
	Các phương pháp đã được phê duyệt đối với AR-CDM	-
Các dự án AR-CDM trên thế giới	-	
Danh mục thuật ngữ chuyên dùng	-	
PHÁT TRIỂN AR-CDM TẠI VIỆT NAM	Thế chế liên quan đến AR-CDM tại Việt Nam	Cơ quan đầu mối quốc gia (DNA)
		Ban Điều hành và tư vấn quốc gia về CDM (CNECB)
		Bộ NN&PTNT (MARD)
		Trường Đại học Lâm nghiệp (VFU)
		Trung tâm NC Sinh thái và Môi trường rừng (RCFEE)
		Sở Nông nghiệp & PTNT cấp tỉnh
		UBND cấp huyện và cấp xã
		Tiêu chí phê duyệt các dự án CDM
		Tiêu chí ưu tiên CDM
	Quy trình phê duyệt các dự án CDM	PIN (Văn kiện ý tưởng dự án)
		PDD (Văn kiện thiết kế dự án)
		Quy trình phê duyệt
	Các chính sách và quy chế chủ yếu về CDM	-
	Cẩm nang hướng dẫn AR-CDM quy mô nhỏ	-
Tiềm năng AR-CDM tại Việt Nam	-	
Dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình	-	
NGUỒN KỸ THUẬT	Các phương pháp AR-CDM đã được phê duyệt	-
	Hướng dẫn và sách hướng dẫn	-

Mục	Tiêu mục	Nội dung
	Mẫu	-
	Các chính sách và quy định của chính phủ	-
	Dữ liệu	-
LIÊN KẾT	-	Liên kết quốc tế Liên kết trong nước
HỎI ĐÁP	-	-
VĂN PHÒNG TRỢ GIÚP AR-CDM	-	-
LIÊN HỆ	-	Địa chỉ liên lạc
SƠ ĐỒ	-	-

Hình ảnh của trang web:



Hình 4.1 Hình ảnh trang web AR-CDM [http://ar-cdm.vfu.edu.vn/]

(2) Đặc điểm kỹ thuật máy chủ trang web

Đoàn Nghiên cứu đã mua máy chủ và lắp đặt trong hệ thống máy chủ của VFU, xây dựng trang web với sự trợ giúp chặt chẽ của Trung tâm thông tin, VFU.

Bảng 4.2 Đặc điểm kỹ thuật máy chủ trang web lắp đặt tại VFU

Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật
Máy chủ	System: IBM Server System X3650 CPU: 1/2 Dual Core Xeon 5050 3.0GHz – 667 MHz/2x2M L2 Cache Disk Controller: Adaptec AIC – 9580W, RAID 0, 1 & 10 Bộ nhớ: 2GB (4x512MB) 667MHz ECC Chipkill DDR2 FB DIMM Ổ cứng: 03 x 73GB Hot Swap 3.5” 10K RPM Ultra320 SAS

Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật
	HDD Optical Driver: 8X-24X DVD/CD-RW Network: Dual Gigabit 10/100/1000 Nguồn: 835W HS 1/2
Hệ điều hành	Microsoft Windows Server 2003 R2 Standard (English version)
Monitor	IBM/Lenovo Monitor 15" TFT
UPS	UPS SANTAK ON-LINE 1kVA (C1K)

#### 4.2.2 Quản lý trang web

Sau Nghiên cứu của JICA, Phòng Hợp tác quốc tế, VFU sẽ chịu trách nhiệm vận hành và duy trì trang web với sự hỗ trợ của Trung tâm thông tin, VFU. Thông tin trên trang web sẽ được cập nhật khi có yêu cầu. Đặc biệt, thông tin về phương pháp, hướng dẫn và công cụ AR-CDM do UNFCCC cung cấp sẽ được giám sát và cập nhật kịp thời. Tương tự như vậy, chính sách và quy định của chính phủ về CDM cũng sẽ được bổ sung thường xuyên.

#### 4.3 Thành lập văn phòng trợ giúp AR-CDM

Để hiện thực hóa xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam, cần thiết phải xây dựng một văn phòng trợ giúp. Văn phòng trợ giúp này sẽ được vận hành bởi các cán bộ làm việc bán chuyên trách nhằm cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn cho các nhà xây dựng và đầu tư xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam. Nói cách khác, văn phòng trợ giúp AR-CDM sẽ đóng vai trò như một nhà hoa tiêu trong tiến trình phát triển AR-CDM tại Việt Nam.

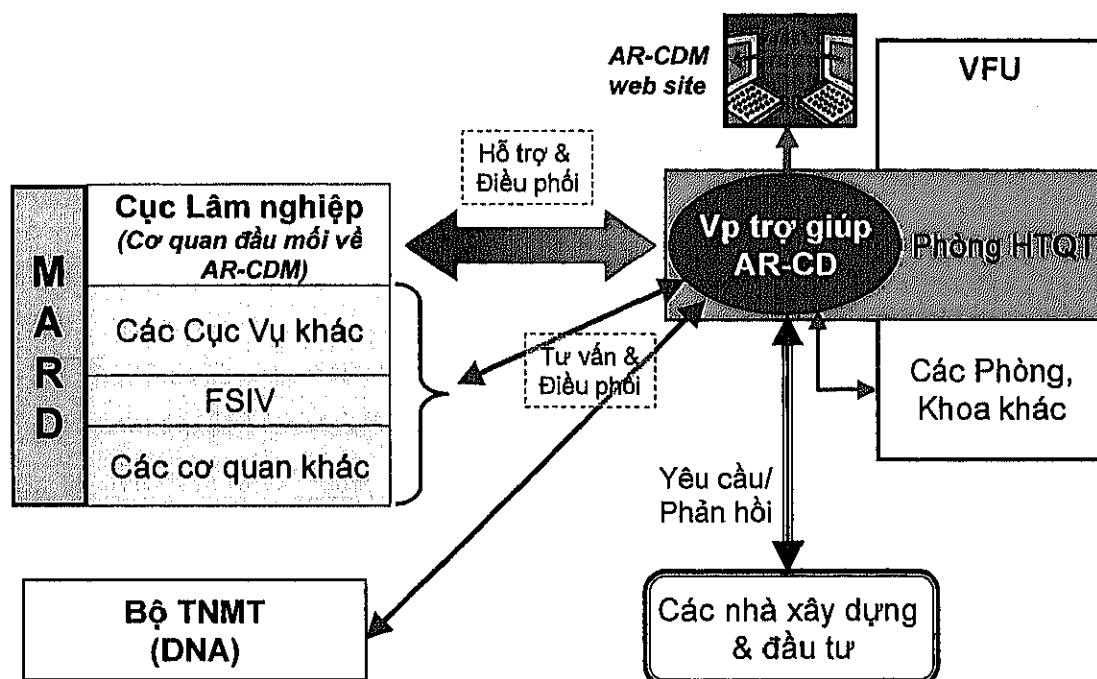
##### (1) Các chức năng cụ thể của Văn phòng trợ giúp

Dự kiến văn phòng trợ giúp sẽ cung cấp những dịch vụ sau cho các bên liên quan đến AR-CDM (những người quan tâm đến AR-CDM hoặc có ý định xây dựng và tham gia thực hiện các dự án AR-CDM).

- Cung cấp thông tin và dữ liệu về AR-CDM cho các nhà xây dựng và đầu tư để hỗ trợ phát triển AR-CDM khi được yêu cầu, cung cấp thông tin và dữ liệu cho công chúng và các đối tượng khác nhằm nâng cao nhận thức.
- Điều phối với các cơ quan liên quan khác thực hiện các hoạt động liên quan đến AR-CDM (ví dụ như các nghiên cứu, đợt công tác, tập huấn, hội thảo, v.v.) cũng như Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh có thể cung cấp thông tin về địa điểm phù hợp thực hiện AR-CDM tại địa phương.
- Quản lý và cập nhật trang web AR-CDM.
- Cập nhật và duy trì cơ sở dữ liệu AR-CDM tại Việt Nam (liên quan đến dự trữ sinh khối cơ sở, tăng trưởng của cây, các địa điểm tiềm năng thực hiện dự án, thông tin về dự án, v.v.).
- Chuẩn bị và xuất bản cẩm nang hướng dẫn và sách nhỏ về AR-CDM để phổ biến thông tin.

(2) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan đối với văn phòng trợ giúp AR-CDM

Văn phòng trợ giúp AR-CDM được đề xuất là sẽ do Phòng Hợp tác quốc tế, VFU quản lý dưới sự chỉ đạo của Cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT (cơ quan đầu mối về AR-CDM) và sự phối hợp của các cơ quan liên quan. Có 3 lý do tại sao lại đề xuất như vậy: (i) chức năng của văn phòng trợ giúp chủ yếu là phổ biến thông tin. Chức năng này có quan hệ chặt chẽ với việc điều hành trang web về AR-CDM đã được lắp đặt tại VFU; (ii) VFU có nguồn lực để vận hành văn phòng trợ giúp và trang web; và (iii) cơ quan đầu mối quốc gia về AR-CDM (Cục Lâm nghiệp) phải có trách nhiệm. Tuy nhiên cơ quan này chỉ có một cán bộ bán chuyên trách hiện đang đã quá tải với khối lượng công việc thường xuyên và không thường xuyên hàng ngày, trừ AR-CDM. Chính vì vậy, Cục Lâm nghiệp không thể thực hiện chức năng của Văn phòng trợ giúp được.



Hình 4.2 Chức năng của Văn phòng trợ giúp AR-CDM

(3) Hành động cần thiết

Bộ NN&PTNT sẽ ban hành quyết định chính thức thành lập và đưa vào hoạt động văn phòng trợ giúp AR-CDM để đảm bảo ngân sách và chức năng, trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan. VFU sẽ đề xuất ngân sách và chỉ định nhân sự chịu trách nhiệm theo quyết định của Bộ NN&PTNT.

**4.4 Chuẩn bị sách hướng dẫn AR-CDM và sách nhỏ**

Xây dựng và thực hiện các dự án AR-CDM cần có những chỉ dẫn kỹ thuật về phương pháp AR-CDM cũng như đầu tư trong và ngoài nước. Mặc dù AR-CDM đang ngày càng trở nên quen thuộc với những người làm trong ngành lâm nghiệp, tuy nhiên rất ít trong số họ có thể hiểu rõ về những vấn đề kỹ thuật và có kinh nghiệm xây dựng dự án AR-CDM. Mặt khác, các nhà đầu tư trong

và ngoài nước quan tâm đến các dự án AR-CDM lại không có đủ thông tin cần thiết về quy trình AR-CDM tại Việt Nam.

Nhằm xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam, Nghiên cứu đã xây dựng hai tài liệu “Cẩm nang AR-CDM quy mô nhỏ” và “Sách nhỏ về AR-CDM” để phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức cho các nhà đầu tư và phát triển tiềm năng.

(1) Sách hướng dẫn AR-CDM quy mô nhỏ

Sách hướng dẫn hướng tới phục vụ đối tác của Nghiên cứu, kỹ sư lâm nghiệp, nhà nghiên cứu, sinh viên lâm nghiệp, những người làm việc trong ngành lâm nghiệp và bất cứ ai có liên quan đến các dự án AR-CDM trong tương lai. Sách hướng dẫn đề cập đến những khía cạnh kỹ thuật và hoạt động AR-CDM từ những nguyên tắc cơ bản, quy trình thực hiện AR-CDM đến thẩm định, đăng ký, đánh giá và bán CER. Cuốn sách sử dụng những tài liệu phục vụ các hội nghị tập huấn dành cho đối tác. Nội dung và cấu trúc Sách hướng dẫn được giới thiệu trong **Bảng 4.3**.

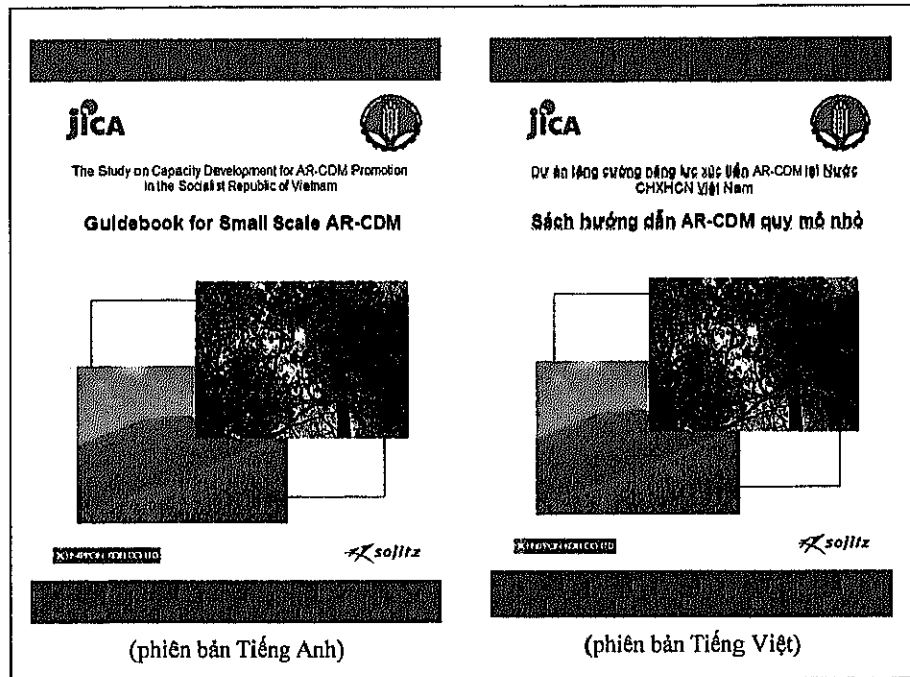
**Bảng 4.3 Nội dung Sách hướng dẫn AR-CDM quy mô nhỏ (từ ngày 7 tháng 12, sẽ được cập nhật)**

Phần	Nội dung
<b>1. Các nguyên tắc cơ bản của Cơ chế phát triển sạch</b>	Hiện tượng nóng lên toàn cầu
	Nghị định thư Kyoto
	Cơ chế Kyoto
	Cơ chế phát triển sạch (CDM)
	Phân loại các hoạt động dự án CDM
	Các hợp phần Nghị định thư Kyoto
	Danh sách các bên trong Phụ lục I và mục tiêu của các quốc gia này
	Khí nhà kính (GHG) và mối đe dọa nóng lên toàn cầu (GWP)
	Trồng rừng và Tái trồng rừng theo CDM (AR-CDM)
<b>2. Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM quy mô nhỏ</b>	AR-CDM là gì?
	Các nguyên tắc cụ thể của AR-CDM quy mô nhỏ
	Các bên liên quan trong AR-CDM
	Tính phù hợp của AR-CDM
	Quy trình xác định tính phù hợp của đất
	Quy trình xác định tính phù hợp của đất (AR-CDM quy mô thông thường)
	Ranh giới dự án và Hoạt động dự án
	Kịch bản đường cơ sở
	Giá trị bổ sung
	Đánh giá giá trị bổ sung (AR-CDM quy mô nhỏ)
	Đánh giá giá trị bổ sung (AR-CDM thông thường)
	Ví dụ về rào cản chứng minh giá trị bổ sung (AR-CDM thông thường)
	Loại bỏ GHG, Phát thải và Rò rỉ
	Dự tính lượng loại bỏ GHG
	Thời hạn tín chỉ
	Tính không ổn định
	tCER và ICER
	Ban hành CER
	Tác động môi trường
	Tác động kinh tế xã hội
Bình luận của các bên liên quan	
Tách và nhập	
Ghi chú đối với AR-CDM	



Phần	Nội dung
<b>3. Quy trình thực hiện hoạt động dự án A/R CDM</b>	Chu trình dự án CDM
	Thành lập thành viên tham gia dự án
	Chọn địa điểm thực hiện dự án
	Đặc điểm hoạt động dự án
	Thành viên tham gia dự án và nhiệm vụ của họ
	Miêu tả ranh giới dự án và phân tầng
	Quy hoạch rừng trồng, dự tính chi phí đầu tư và lợi nhuận
	Áp dụng phương pháp đường cơ sở và giám sát (1)
	Áp dụng phương pháp đường cơ sở và giám sát (2)
	Dự tính lượng loại bỏ GHG do yếu tố dân số
	Chứng minh giá trị bổ sung
	Điều tra tác động môi trường
	Điều tra kinh tế xã hội
	Bình luận của các bên liên quan
	Xác định quy tắc quản lý rừng bảo vệ rừng
	Xây dựng năng lực
	Các Liên kết hữu ích đến một số văn bản có liên quan đến quy trình AR-CDM quy mô nhỏ
Quyết định dự án tổng thể	
<b>4. Phương pháp đường cơ sở và giám sát</b>	Phương pháp đường cơ sở là gì?
	Phương pháp giám sát là gì?
	Bể Carbon
	Lượng loại bỏ GHG do yếu tố dân số thuần túy
	Lượng loại bỏ GHG thuần túy đường cơ sở
	Lượng loại bỏ GHG thuần túy thực tế
	Phát thải theo nguồn và Rò rỉ
	Phát thải theo nguồn
	Rò rỉ
	Dòng các phương pháp
	Tính toán và dự đoán lượng dự trữ C và phát thải GHG
	Ranh giới dự án và phân tầng
	Lấy mẫu
	Đúng, Chính xác, và tương đối
Phương pháp dự tính bể C. (sinh khối)	
Đo đếm sinh khối sống (sinh khối trên và dưới mặt đất)	
<b>5. Thẩm định ~ Phát thải Buôn bán</b>	Thẩm định
	Đăng ký
	Giám sát và thẩm tra
	Ban hành tín chỉ
	Nguyên tắc thay thế tín chỉ
	Buôn bán phát thải và xu thế giá cả
	Buôn bán phát thải vận hành như thế nào
	Bên mua tín chỉ chủ yếu
	Ý tưởng cơ cấu giá cả I-CERs - Hạn chế rủi ro thay thế I-CER-
<b>6. Chi phí giao dịch AR-CDM</b>	Chi phí giao dịch là gì?
	Phân loại chi phí giao dịch
	Ví dụ về chi phí giao dịch
	Biện pháp giảm chi phí giao dịch

Trang bìa của Sách hướng dẫn được trình bày ở **Hình 4.2**. Bản in dự thảo Sách hướng dẫn đã được phát cho đại biểu dự hội nghị tập huấn lần thứ 3 tổ chức vào ngày 9/11/2007. Bản điện tử dưới dạng file PDF sẽ được đăng tải trên trang web the AR-CDM.



Hình 4.3 Trang bìa Sách hướng dẫn AR-CDM Quy mô nhỏ

(2) Sách nhỏ giới thiệu xúc tiến AR-CDM quy mô nhỏ

Cuốn sách này được chuẩn bị và tái bản bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh để thu hút quan tâm của những nhà phát triển và đầu tư cũng như công chúng. Không giống như Cẩm nang, nội dung của sách nhỏ rất xúc tích và tập trung vào các vấn đề sau:

- CDM là gì
- AR-CDM là gì
- Mục tiêu và tiềm năng của AR-CDM
- Các nguyên tắc cơ bản của AR-CDM
- Chu trình dự án AR-CDM
- AR-CDM quy mô nhỏ
- Đơn vị quản lý dự án
- Nguồn tài chính thực hiện các dự án AR-CDM
- Quy trình phê duyệt các dự án CDM ở Việt Nam
- Một dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ
- Phát triển các dự án AR-CDM tại Việt Nam

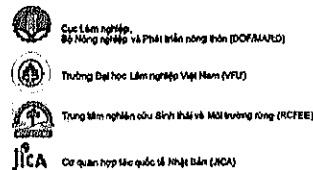
Trang bìa của cuốn sách nhỏ này được trình bày trong Hình 4.3. Bản in đã được phân phát cho các đại biểu dự hội thảo về AR-CDM cho các nhà xây dựng và đầu tư tiềm năng tổ chức tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Huế trong tháng 11/2007. Bản điện tử dưới dạng file PDF sẽ được đăng tải trên trang web AR-CDM.

## Small-Scale AR-CDM

What is it?  
Objectives and potential  
Basic rules  
Project cycle  
Project management body  
Fund  
Approval procedure  
AR-CDM pilot project  
Development of AR-CDM projects in Vietnam

## Dự án trồng rừng mới và tái trồng rừng quy mô nhỏ theo cơ chế phát triển sạch (Small-scale AR-CDM)

Dự án loại này là gì?  
Mục tiêu và tiềm năng  
Các nguyên tắc chính  
Chu trình dự án  
Cơ quan quản lý dự án  
Kinh phí  
Quy trình phê duyệt  
Dự án AR-CDM thí điểm  
Xây dựng dự án AR-CDM ở Việt Nam



(phiên bản Tiếng Anh)

(phiên bản Tiếng Việt)

**Hình 4.4** Trang bìa sách nhỏ giới thiệu xúc tiến AR-CDM quy mô nhỏ

### 4.5 Tìm kiếm nhà đầu tư cho dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ

Đoàn Nghiên cứu và tổ công tác đối ứng đã nhất trí nỗ lực hiện thực hoá dự án thí điểm AR-CDM quy mô nhỏ mà dự thảo PDD đang được chuẩn bị bằng việc tìm kiếm nhà đầu tư. Việc thực hiện dự án AR-CDM là ngoài phạm vi xác định ban đầu của Nghiên cứu. Tuy nhiên đây là một việc đáng làm và có được một dự án AR-CDM được triển khai là thực sự cần thiết đối với tiến trình xúc tiến AR-CDM tại Việt Nam vì sẽ phải có những bài học kinh nghiệm quan trọng rút ra từ quá trình thực hiện, đặc biệt từ quá trình DOE thẩm định. Ngoài ra, đoàn Nghiên cứu và tổ công tác đối ứng cho rằng kêu gọi khả năng thực hiện dự án đối với cộng đồng địa phương là rất quan trọng nhằm thu hút sự tham gia chủ động nhiệt tình của địa phương ngay trong giai đoạn lập kế hoạch.

Đoàn Nghiên cứu đã giới hạn các nhà đầu tư tiềm năng, chủ yếu tập trung vào các công ty Nhật Bản đang hoạt động tại Việt Nam. Với sự tư vấn của Văn phòng đại diện JICA tại Việt Nam, đoàn Nghiên cứu đã liên hệ với Hội doanh nhân Nhật Bản (JBA) tại Việt Nam từ tháng 6/2007 để đề nghị hợp tác phổ biến thông tin và Đoàn Nghiên cứu JICA và tổ công tác đối ứng đang tìm kiếm các công ty có khả năng đầu tư tài chính thực hiện dự án. JBA đã đồng ý phổ biến thông tin đến các công ty thành viên bằng cách sử dụng tờ rơi bằng Tiếng Nhật do đoàn Nghiên cứu thiết kế và chuẩn bị.

Ba công ty là MITSUI, Honda Việt Nam, và Toyota Việt Nam đã bày tỏ quan tâm đến dự án. Đoàn Nghiên cứu và tổ công tác đối ứng đã trực tiếp tới thăm các công ty này và cung cấp thêm thông tin chi tiết về dự án. Cuối cùng, Honda Việt Nam đã được chọn là nhà đầu tư cho dự án vì đây là đơn vị đầu tiên đưa ra quyết định chính thức tài trợ tài chính thực hiện dự án với điều kiện họ sẽ là nhà tài trợ độc quyền.

